

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.B04334	Phạm Thị An	22/02/89	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.25	1.75	1.75	6.75	7.00	
2	THV.B04336	Đào Thị Thuý An	31/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
3	THV.B04337	Nguyễn Thị Thuý An	26/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	305	4.50	1.00	2.50	8.00	8.00	
4	THV.B04339	Trần Thúy An	01/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		2.25	0.75	2.50	5.50	5.50	
5	THV.B04340	Vũ Thị Vân Anh	22/04/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	305	4.50	2.00	4.25	10.75	11.00	
6	THV.B04341	Trần Ngọc Anh	26/10/90		Huyện Cẩm Khê	06	2NT		4.50	3.25	2.75	10.50	10.50	
7	THV.B04342	Lê Tuấn Anh	12/09/90		Huyện Thanh Ba		2	305	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
8	THV.B04343	Trần Thị Kim Anh	25/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	305	3.50	4.50	3.00	11.00	11.00	
9	THV.B04344	Đỗ Thị Vân Anh	27/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.50	1.75	1.50	8.75	9.00	
10	THV.B04347	Trương Thị Anh	21/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.50	0.25	1.50	6.25	6.50	
11	THV.B04348	Đỗ Thị Ngọc Anh	02/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	305	3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
12	THV.B04352	Tạ Thị Lan Anh	11/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	3.00	0.50	2.50	6.00	6.00	
13	THV.B04353	Phạm Thị Lan Anh	16/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	4.50	2.50	10.50	10.50	
14	THV.B04354	Nguyễn Hoàng Anh	13/05/91		TP. Việt Trì		2	304	3.50	2.50	2.50	8.50	8.50	
15	THV.B04355	Đào Việt Anh	22/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	304	3.25	2.00	2.75	8.00	8.00	
16	THV.B04356	Đặng Thị Kim Anh	23/12/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.00	4.75	5.50	15.25	15.50	
17	THV.B04357	Hà Đăng Anh	20/08/91		Huyện Thanh Ba		2		4.25	1.00	3.25	8.50	8.50	
18	THV.B04359	Nguyễn Thế Anh	01/04/90		Huyện Đoan Hùng		2		3.50	3.50	4.00	11.00	11.00	
19	THV.B04360	Nguyễn Tuấn Anh	14/08/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.25	4.25	3.75	12.25	12.50	
20	THV.B04362	Vũ Thị Phương Anh	24/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	304	2.75	1.00	2.25	6.00	6.00	
21	THV.B04364	Phan Tuấn Anh	20/08/90		Thành phố Sơn Tây		2	306	4.00	3.25	2.50	9.75	10.00	
22	THV.B04365	Hà Ngọc Anh	10/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	304	3.75	1.75	3.00	8.50	8.50	
23	THV.B04366	Trần Thế Anh	19/09/90		Huyện Hạ Hoà		1	306	3.75	0.50	2.50	6.75	7.00	
24	THV.B04367	Thắm Lan Anh	30/09/90	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1		4.25	2.00	2.75	9.00	9.00	
25	THV.B04368	Bùi Thị Yến Anh	18/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.25	1.25	3.50	9.00	9.00	
26	THV.B04369	Trần Việt Anh	10/08/91		Huyện Mai Châu		1	305	5.50	2.25	2.25	10.00	10.00	
27	THV.B04370	Khương Thị Anh	12/07/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	1.75	4.50	2.75	9.00	9.00	
28	THV.B04371	Nguyễn Văn Anh	04/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	306	4.25	3.00	3.25	10.50	10.50	
29	THV.B04372	Nguyễn Thế Anh	24/03/91		Huyện Phù Ninh	06	1		2.50	1.25	2.75	6.50	6.50	
30	THV.B04373	Vũ Tuấn Anh	05/11/90		Huyện Phù Ninh		2NT	304	2.75	1.00	2.25	6.00	6.00	
31	THV.B04375	Phạm Thị Lan Anh	14/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	306	4.50	1.50	2.25	8.25	8.50	
32	THV.B04377	Hoàng Ngọc ánh	27/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		6.00	2.50	4.00	12.50	12.50	
33	THV.B04378	Lê Thị Nguyệt ánh	15/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2		2.25	1.00	3.00	6.25	6.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
34	THV.B04380	Giang Thị Ngọc	ánh	29/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	3.75	2.50	2.75	9.00	9.00	
35	THV.B04381	Khổng Văn	Ba	03/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	305	5.00	3.25	3.50	11.75	12.00
36	THV.B04383	Nguyễn Thị	Bắc	28/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.75	1.00	3.25	7.00	7.00
37	THV.B04384	Trần Văn	Bằng	14/08/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	305	3.25	0.25	2.50	6.00	6.00
38	THV.B04386	Nguyễn Ngọc	Biên	02/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	306	4.25	0.75	3.25	8.25	8.50
39	THV.B04388	Bùi Thị Ngọc	Bích	04/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.75	1.25	2.25	8.25	8.50
40	THV.B04389	Lê Thị Ngọc	Bích	01/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	306	4.75	1.25	2.75	8.75	9.00
41	THV.B04391	Trương Thị	Bình	07/12/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.25	0.75	2.75	6.75	7.00
42	THV.B04392	Dương Hoà	Bình	02/12/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	7.25	5.75	5.75	18.75	19.00
43	THV.B04394	Hoàng Thị Trần	Bình	22/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.25	5.50	5.00	15.75	16.00
44	THV.B04395	Nguyễn Văn	Bộ	28/01/91		Huyện Phù Ninh		2		6.50	3.00	2.50	12.00	12.00
45	THV.B04396	Hà Thị Thuý	Cảnh	20/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		2.50	1.25	3.00	6.75	7.00
46	THV.B04397	Nguyễn Thị Huyền	Chang	12/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.75	0.75	3.25	9.75	10.00
47	THV.B04398	Phan Thị	Chang	11/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	304	3.50	1.75	2.50	7.75	8.00
48	THV.B04399	Trần Thị Mai	Chang	25/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.00	1.00	2.75	6.75	7.00
49	THV.B04402	Nguyễn Thị Bích	Châm	04/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	304	4.50	1.00	2.50	8.00	8.00
50	THV.B04403	Trần Thị	Châm	03/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		5.75	2.25	3.75	11.75	12.00
51	THV.B04404	Nguyễn Thị Minh	Châu	27/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	306	4.75	1.25	2.50	8.50	8.50
52	THV.B04406	Lương Thị	Chi	06/12/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1		3.50	2.00	4.00	9.50	9.50
53	THV.B04407	Đào Kim	Chi	01/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		3.75	1.50	2.00	7.25	7.50
54	THV.B04408	Nguyễn Thị Kim	Chi	17/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.50	1.00	3.50	8.00	8.00
55	THV.B04409	Trương Thị	Chi	07/11/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	3.75	0.50	2.50	6.75	7.00
56	THV.B04410	Nguyễn Đình	Chiến	04/02/91		TP. Việt Trì		2		3.25	0.75	2.50	6.50	6.50
57	THV.B04411	Lê Duy	Chiến	16/08/90		Huyện Lập Thạch		1	305	2.50	2.75	2.50	7.75	8.00
58	THV.B04412	Chu Thị	Chinh	23/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	3.00	1.00	2.25	6.25	6.50
59	THV.B04413	Vương Văn	Chung	10/07/87		Huyện Mường Khương	01	1		5.25	1.75	3.75	10.75	11.00
60	THV.B04414	Nguyễn Thị Kim	Chung	19/02/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	306	5.25	4.25	5.00	14.50	14.50
61	THV.B04416	Nguyễn Văn	Chung	17/08/91		Huyện Tam Nông		1	306	2.50	1.00	2.50	6.00	6.00
62	THV.B04418	Phạm Văn	Chuyên	07/12/91		Huyện Tam Dương		2NT	306	4.00	2.50	2.75	9.25	9.50
63	THV.B04419	Hoàng Thanh	Chương	07/09/91		Huyện Yên Lập	01	1		4.00	1.25	1.75	7.00	7.00
64	THV.B04420	Hồ Ngọc	Chương	11/09/89		Huyện Mường Khương	01	1		2.75	0.00	1.75	4.50	4.50
65	THV.B04422	Nguyễn Văn	Chương	23/04/91		Huyện Phù Ninh		1		4.00	1.00	2.00	7.00	7.00
66	THV.B04423	Nguyễn Thành	Công	12/11/88		Huyện Tam Nông		1	305	3.25	1.00	2.75	7.00	7.00

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
67	THV.B04424	Nguyễn Thành Công	15/09/91		Thị xã Phú Thọ		1	305	3.00	2.00	3.50	8.50	8.50	
68	THV.B04425	Khổng Minh Công	01/09/90		Huyện Lâm Thao	06	1		4.50	2.00	4.25	10.75	11.00	
69	THV.B04426	Nguyễn Tiến Công	11/03/90		Huyện Phù Ninh		1	304	3.50	2.00	2.25	7.75	8.00	
70	THV.B04427	Vũ Thị Kim Cúc	17/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.00	1.25	3.50	9.75	10.00	
71	THV.B04428	Hà Thị Cúc	16/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	304	5.00	2.25	3.50	10.75	11.00	
72	THV.B04430	Nguyễn Thị Hồng Cương	10/07/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	305	4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
73	THV.B04431	Đỗ Khắc Cương	23/05/90		Huyện Bảo Thắng		1	305	3.00	0.25	3.50	6.75	7.00	
74	THV.B04432	Đào Xuân Cương	02/12/91		Huyện Phù Ninh		1	306	3.50	1.00	1.75	6.25	6.50	
75	THV.B04433	Hà Huy Cường	25/02/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.00	0.75	3.50	8.25	8.50	
76	THV.B04434	Hoàng Mạnh Cường	24/09/91		Thành phố Yên Bái		1		5.50	5.00	3.50	14.00	14.00	
77	THV.B04435	Lê Mạnh Cường	16/09/90		Thành phố Yên Bái		1	305	4.75	1.00	2.75	8.50	8.50	
78	THV.B04437	Chu Mạnh Cường	20/06/90		Thị xã Phú Thọ		2	306	4.25	1.50	1.75	7.50	7.50	
79	THV.B04438	Nguyễn Mạnh Cường	06/03/90		Huyện Thanh Sơn		1	305	5.00	1.00	4.50	10.50	10.50	
80	THV.B04439	Lê Văn Cường	20/06/90		Thị xã Phú Thọ		2	306	4.50	1.75	3.50	9.75	10.00	
81	THV.B04440	Đỗ Việt Cường	07/08/88		Huyện Thanh Sơn	01	1	304	4.25	2.75	2.75	9.75	10.00	
82	THV.B04441	Nguyễn Duy Cường	20/11/90		Huyện Đoan Hùng		1	306	5.25	2.75	3.50	11.50	11.50	
83	THV.B04442	Nguyễn Thế Cường	01/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	304	6.75	2.50	3.50	12.75	13.00	
84	THV.B04444	Hà Mạnh Cường	16/11/90		Huyện Cẩm Khê		1	305	5.75	3.75	4.50	14.00	14.00	
85	THV.B04445	Hà Quang Dấu	02/05/89		Huyện Thanh Sơn	01	1		3.75	1.25	4.25	9.25	9.50	
86	THV.B04446	Trương Thị Dinh	02/10/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	305	4.25	1.50	3.00	8.75	9.00	
87	THV.B04448	Ma Chấn Dĩ	10/12/89		Huyện Quán Bạ	01	1	305	4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	
88	THV.B04450	Nguyễn Thị Kim Doanh	16/05/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1		4.50	1.00	4.00	9.50	9.50	
89	THV.B04451	Nguyễn Thuỳ Dung	04/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	5.00	4.50	4.25	13.75	14.00	
90	THV.B04452	Lê Thị Ngọc Dung	10/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.25	1.00	3.50	8.75	9.00	
91	THV.B04455	Lã Thị Dung	10/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		2.50	0.50	1.50	4.50	4.50	
92	THV.B04456	Phạm Thanh Dung	06/04/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	4.50	6.25	4.25	15.00	15.00	
93	THV.B04458	Phùng Thị Kim Dung	26/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	304	2.75	1.75	4.50	9.00	9.00	
94	THV.B04464	Chu Thị Dung	15/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.25	1.00	2.50	7.75	8.00	
95	THV.B04465	Hà Thị Dung	11/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	304	2.50	1.00	2.50	6.00	6.00	
96	THV.B04466	Vũ Thị Kim Dung	01/12/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	306	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
97	THV.B04467	Nguyễn Thị Dung	22/10/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	305	3.75	1.00	2.75	7.50	7.50	
98	THV.B04468	Nguyễn Thuỳ Dung	12/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	304	5.25	9.00	8.25	22.50	22.50	
99	THV.B04470	Đào Thị Dung	06/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	306	4.00	0.25	2.50	6.75	7.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
100	THV.B04471	Nguyễn Thị Dung	02/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	306	3.50	1.25	2.00	6.75	7.00	
101	THV.B04472	Trần Thị Dung	20/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	304	4.00	5.00	3.50	12.50	12.50	
102	THV.B04473	Hà Thị Dung	02/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
103	THV.B04474	Nguyễn Kim Dung	03/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	305	4.25	1.25	3.25	8.75	9.00	
104	THV.B04476	Lê Thị Kim Dung	17/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	306	4.00	1.25	2.75	8.00	8.00	
105	THV.B04478	Nguyễn Khánh Duy	01/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	305	3.25	2.00	2.50	7.75	8.00	
106	THV.B04480	Lã Thị Duy	28/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	1.50	2.50	7.50	7.50	
107	THV.B04481	Nguyễn Đức Duy	11/05/91		Huyện Lập Thạch		1	306	5.75	3.25	4.75	13.75	14.00	
108	THV.B04482	Nguyễn Thị Hồng Duyên	27/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.25	4.00	3.75	13.00	13.00	
109	THV.B04483	Hà Thị Duyên	04/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	306	3.50	1.00	1.75	6.25	6.50	
110	THV.B04485	Hoàng Tiến Dũng	02/05/91		TP. Việt Trì		2		3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
111	THV.B04486	Nguyễn Tiến Dũng	18/06/91		Huyện Lâm Thao		1		2.25	1.25	3.25	6.75	7.00	
112	THV.B04487	Chu Văn Dũng	03/07/90		Huyện Bắc Quang		1	304	3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
113	THV.B04488	Dư Văn Dũng	10/01/91		Huyện Tam Nông		1	305	3.75	1.25	2.50	7.50	7.50	
114	THV.B04489	Trần Huy Dũng	18/02/91		Huyện Thanh Ba		2		5.00	6.00	5.25	16.25	16.50	
115	THV.B04490	Lê Tiến Dũng	25/12/90		Thị xã Phú Thọ		2	306	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
116	THV.B04491	Vì Văn Dũng	01/09/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	4.50	1.50	3.00	9.00	9.00	
117	THV.B04492	Lương Anh Dũng	08/12/91		TP. Việt Trì		1		2.75	1.00	1.75	5.50	5.50	
118	THV.B04493	Nguyễn Đức Dũng	19/09/91		Huyện Phù Ninh		1	305	5.00	3.00	3.50	11.50	11.50	
119	THV.B04495	Nguyễn Tiến Dũng	05/07/91		Huyện Phù Ninh		2NT	305	5.75	3.00	3.50	12.25	12.50	
120	THV.B04496	Đặng Tiến Dũng	07/01/91		TP. Việt Trì		2		4.00	3.25	2.75	10.00	10.00	
121	THV.B04497	Lưu Tiến Dũng	20/05/89		Huyện Bảo Yên	01	1	305	2.25	1.25	2.50	6.00	6.00	
122	THV.B04498	Nguyễn Văn Dũng	13/08/89		Huyện Vị Xuyên	01	1	304	4.00	1.50	4.00	9.50	9.50	
123	THV.B04499	Nguyễn Bảo Dũng	16/06/90		Huyện Hạ Hoà		1	306	5.75	3.00	2.50	11.25	11.50	
124	THV.B04500	Hà Tiến Dũng	07/06/91		Huyện Tân Sơn	01	1		4.25	2.00	2.50	8.75	9.00	
125	THV.B04501	Lê Văn Dũng	17/02/91		TP. Việt Trì		2NT	305	3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
126	THV.B04503	Cao Thị Thuỳ Dương	02/10/89	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	4.50	3.25	2.50	10.25	10.50	
127	THV.B04504	Nguyễn Như Dương	26/09/91		TP. Việt Trì		2	304	5.50	3.25	3.75	12.50	12.50	
128	THV.B04506	Nguyễn Hữu Dương	25/11/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.75	5.25	5.75	15.75	16.00	
129	THV.B04507	Lưu Thị Thuỳ Dương	03/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT		5.25	7.00	4.75	17.00	17.00	
130	THV.B04508	Nguyễn Đức Dương	10/03/91		Huyện Phù Ninh		1		3.50	1.50	2.00	7.00	7.00	
131	THV.B04509	Hà Bạch Dương	28/02/91		Huyện Cẩm Khê	01	1		2.75	0.00	1.75	4.50	4.50	
132	THV.B04510	Nguyễn Quang Dự	10/12/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.50	2.75	3.50	10.75	11.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
133	THV.B04511	Nguyễn Thị Đào	12/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	306	3.75	1.75	3.25	8.75	9.00	
134	THV.B04513	Nguyễn Thị Đào	20/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		5.00	4.00	4.25	13.25	13.50	
135	THV.B04514	Phạm Bích Đào	22/03/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		4.50	1.25	3.00	8.75	9.00	
136	THV.B04515	Lữ Văn Đăng	30/08/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	306	2.75	1.00	2.50	6.25	6.50	
137	THV.B04516	Nguyễn Đức Đại	06/09/90		Huyện Thanh Ba		1	306	4.25	1.00	3.00	8.25	8.50	
138	THV.B04519	Hà Đức Đạt	11/05/91		Huyện Lập Thạch		1	304	3.25	6.00	5.50	14.75	15.00	
139	THV.B04521	Trương Văn Đạt	15/04/87		Huyện Mường Khương	01	1		3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
140	THV.B04523	Nguyễn Đình Đạt	18/12/90		Huyện Lâm Thao		2NT	306	4.75	1.00	1.75	7.50	7.50	
141	THV.B04524	Nguyễn Hoàng Đăng	16/07/91		Huyện Thanh Sơn		1		5.00	1.00	2.75	8.75	9.00	
142	THV.B04525	Nguyễn Văn Đăng	15/06/91		TP. Việt Trì		2		3.25	1.25	1.50	6.00	6.00	
143	THV.B04527	Hoàng Thị Diệp	25/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	2.25	1.25	2.75	6.25	6.50	
144	THV.B04528	Nguyễn Ngọc Diệp	04/05/91		Huyện Phù Ninh		1	305	3.75	2.50	2.50	8.75	9.00	
145	THV.B04529	Phạm Quốc Đoàn	20/10/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.75	4.00	3.00	11.75	12.00	
146	THV.B04530	Lê Đại Đoàn	10/03/90		Huyện Thanh Ba		2	305	3.75	1.00	1.50	6.25	6.50	
147	THV.B04532	Trịnh Quý Đô	13/10/88		Huyện Yên Lập	01	1		3.25	1.00	2.50	6.75	7.00	
148	THV.B04533	Vì Hải Đông	23/08/90		Thị xã Phú Thọ		2		2.75	1.25	3.00	7.00	7.00	
149	THV.B04535	Đỗ Văn Đông	29/09/91		Huyện Mê Linh		2NT	306	6.00	3.00	4.00	13.00	13.00	
150	THV.B04536	Nguyễn Văn Đông	26/01/91		Huyện Tam Dương		2NT	306	6.50	4.25	2.75	13.50	13.50	
151	THV.B04537	Hán Văn Đông	27/02/90		Huyện Thanh Ba		2	305	3.00	2.75	3.50	9.25	9.50	
152	THV.B04538	Nguyễn Văn Đông	23/02/91		TP. Việt Trì		2	304	3.50	1.50	3.25	8.25	8.50	
153	THV.B04541	Nguyễn Trung Đức	23/05/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	5.75	3.75	3.50	13.00	13.00	
154	THV.B04542	Nguyễn Trọng Đức	20/10/90		TP. Việt Trì		2	306	5.25	2.50	3.50	11.25	11.50	
155	THV.B04543	Nguyễn Thị Gám	01/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT		3.50	1.00	1.50	6.00	6.00	
156	THV.B04545	Lê Thị Thuý Giang	13/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1		4.50	2.25	3.50	10.25	10.50	
157	THV.B04546	Lê Hương Giang	27/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	
158	THV.B04548	Hoàng Hương Giang	20/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.50	3.50	3.75	12.75	13.00	
159	THV.B04550	Nguyễn Thị Hương Giang	22/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	306	4.50	1.00	3.25	8.75	9.00	
160	THV.B04552	Nguyễn Trường Giang	25/08/91		Huyện Lâm Thao		2		5.50	1.00	2.50	9.00	9.00	
161	THV.B04553	Lỗ Thị Thu Giang	04/06/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	304	5.25	6.50	2.75	14.50	14.50	
162	THV.B04557	Mua Mí Giàng	14/03/88		Huyện Đông Văn	01	1	305	3.50	1.75	3.25	8.50	8.50	
163	THV.B04558	Nguyễn Văn Một Hai	02/02/91		Huyện Thanh Sơn		1	305	3.75	2.25	2.50	8.50	8.50	
164	THV.B04561	Đỗ Thị Thu Hà	27/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	305	5.50	1.75	4.00	11.25	11.50	
165	THV.B04562	Nguyễn Thị Thu Hà	17/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	304	4.50	2.00	3.75	10.25	10.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
166	THV.B04563	Hồ Thị Thu Hà	02/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	306	5.50	3.75	5.00	14.25	14.50	
167	THV.B04564	Phạm Thu Hà	10/02/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	305	2.00	1.00	2.25	5.25	5.50	
168	THV.B04565	Cù Thị Hà	20/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	304	3.00	1.75	3.00	7.75	8.00	
169	THV.B04566	Nguyễn Thị Thuý Hà	07/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	4.50	3.00	4.50	12.00	12.00	
170	THV.B04567	Trần Thanh Hà	22/06/90		Huyện Lâm Thao		2NT	304	3.50	1.75	3.50	8.75	9.00	
171	THV.B04570	Nguyễn Thị Hồng Hà	05/02/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2		5.50	5.00	4.50	15.00	15.00	
172	THV.B04571	Ngô Thị Thu Hà	05/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	4.50	2.00	2.50	9.00	9.00	
173	THV.B04573	Dương Thị Hà	08/04/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	306	5.50	3.75	2.75	12.00	12.00	
174	THV.B04574	Nguyễn Thị Hà	04/01/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	306	4.25	1.00	2.75	8.00	8.00	
175	THV.B04575	Cao Thị Thuý Hà	26/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	3.25	1.00	4.00	8.25	8.50	
176	THV.B04576	Phí Thị Thu Hà	12/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	306	3.00	0.75	2.00	5.75	6.00	
177	THV.B04577	Ngô Thị Ngọc Hà	16/06/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.75	1.75	3.00	10.50	10.50	
178	THV.B04579	Tạ Thị Ngọc Hà	05/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		4.50	2.50	3.50	10.50	10.50	
179	THV.B04580	Lê Văn Hải	20/12/90		Huyện Thanh Ba		2	305	4.25	1.25	3.00	8.50	8.50	
180	THV.B04581	Bùi Thị Thanh Hải	10/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		4.50	1.75	2.25	8.50	8.50	
181	THV.B04582	Lê Thị Hải	08/08/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1		6.00	2.25	4.25	12.50	12.50	
182	THV.B04583	Kiều Việt Hải	29/12/91		Huyện Bảo Thắng		1		2.75	1.00	1.50	5.25	5.50	
183	THV.B04584	Trần Ngọc Hải	18/06/90		Huyện Trấn Yên		1	305	3.75	2.75	3.50	10.00	10.00	
184	THV.B04585	Hà Hải	10/11/91		Huyện Tam Nông		1		4.25	1.75	1.75	7.75	8.00	
185	THV.B04586	Nguyễn Thanh Hải	28/07/91		Huyện Lâm Thao		1	306	2.75	1.00	3.00	6.75	7.00	
186	THV.B04587	Nguyễn Văn Hải	07/05/91		Huyện Đoan Hùng		1	306	4.50	1.50	1.50	7.50	7.50	
187	THV.B04588	Phan Thị Thanh Hải	06/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		4.50	4.00	6.75	15.25	15.50	
188	THV.B04589	Nguyễn Văn Hải	28/01/91		TP. Việt Trì		2	305	3.25	1.00	1.50	5.75	6.00	
189	THV.B04590	Nguyễn Thị Hải	17/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		5.50	1.50	2.50	9.50	9.50	
190	THV.B04591	Nguyễn Thị Hải	05/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT		5.00	4.25	4.50	13.75	14.00	
191	THV.B04592	Triệu Thanh Hải	02/10/90		Huyện Hạ Hoà		1		6.50	3.50	5.50	15.50	15.50	
192	THV.B04594	Đặng Xuân Hải	15/06/91		Huyện Phù Ninh	06	1	304	4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
193	THV.B04595	Cao Minh Hải	24/04/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	5.50	1.00	2.25	8.75	9.00	
194	THV.B04597	Nguyễn Thị Hải	13/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	304	5.50	5.50	3.50	14.50	14.50	
195	THV.B04598	Chu Ngọc Hải	22/04/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.50	5.00	4.50	14.00	14.00	
196	THV.B04599	Cao Thị Hải	15/12/89	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.75	1.00	3.50	9.25	9.50	
197	THV.B04600	Nguyễn Thị Bích Hạnh	23/03/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1		3.50	1.00	3.50	8.00	8.00	
198	THV.B04601	Đặng Thị Hạnh	09/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.75	1.50	2.50	8.75	9.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
199	THV.B04602	Nguyễn Thị Minh Hạnh	25/05/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	304	3.75	4.75	3.00	11.50	11.50	
200	THV.B04603	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	30/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	304	2.50	1.25	3.25	7.00	7.00	
201	THV.B04604	Lê Thị Hạnh	15/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	304	4.00	1.25	2.50	7.75	8.00	
202	THV.B04606	Nguyễn Thị Kim Hạnh	10/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.50	3.00	3.00	10.50	10.50	
203	THV.B04608	Nguyễn Thị Kim Hạnh	20/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	305	3.00	4.25	3.25	10.50	10.50	
204	THV.B04609	Đào Văn Hạnh	15/04/90		Huyện Tam Nông		1	306	2.75	1.00	2.25	6.00	6.00	
205	THV.B04611	Trần Thị Hậu	23/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.25	1.50	2.00	6.75	7.00	
206	THV.B04613	Phạm Văn Hậu	20/12/89		Huyện Thanh Ba		1		2.75	0.75	2.25	5.75	6.00	
207	THV.B04614	Nguyễn Thị Thuý Hậu	19/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
208	THV.B04615	Nguyễn Thị Bích Hằng	05/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		6.50	2.00	3.50	12.00	12.00	
209	THV.B04616	Nhâm Thị Hằng	04/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.25	1.50	2.50	8.25	8.50	
210	THV.B04617	Nguyễn Thanh Hằng	13/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		4.25	7.50	4.50	16.25	16.50	
211	THV.B04618	Dương Thị Hằng	10/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	306	5.25	3.50	3.75	12.50	12.50	
212	THV.B04619	Đình Thị Thu Hằng	21/07/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		4.75	2.00	3.00	9.75	10.00	
213	THV.B04621	Phạm Thị Hằng	10/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		4.00	1.25	2.25	7.50	7.50	
214	THV.B04622	Hà Thị Hằng	15/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	306	3.25	1.50	3.00	7.75	8.00	
215	THV.B04623	Bùi Thị Thu Hằng	23/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.50	4.75	1.50	11.75	12.00	
216	THV.B04624	Vi Thanh Hằng	17/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	304	5.75	4.00	5.00	14.75	15.00	
217	THV.B04625	Nguyễn Thị Lệ Hằng	06/03/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	304	3.75	6.75	5.25	15.75	16.00	
218	THV.B04626	Hoàng Thị Thu Hằng	14/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.75	5.00	3.50	13.25	13.50	
219	THV.B04627	Khuất Thị Thanh Hằng	26/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		5.25	1.00	2.75	9.00	9.00	
220	THV.B04628	Mai Thị Hằng	26/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	305	2.75	1.00	2.50	6.25	6.50	
221	THV.B04631	Hoàng Minh Hằng	04/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	306	3.50	1.25	2.75	7.50	7.50	
222	THV.B04632	Vi Thị Hằng	10/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.50	1.00	3.25	7.75	8.00	
223	THV.B04633	Phạm Thị Thanh Hiền	16/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	304	4.00	1.50	3.50	9.00	9.00	
224	THV.B04634	Hà Huy Hiền	22/01/90		Huyện Đoan Hùng		1	306	6.75	5.00	3.50	15.25	15.50	
225	THV.B04635	Dương Xuân Hiền	14/02/90		Huyện Lập Thạch	06	1	306	3.75	3.50	3.00	10.25	10.50	
226	THV.B04636	Phùng Đức Hiền	20/11/89		Huyện Thanh Sơn	01	1	305	6.25	3.00	3.00	12.25	12.50	
227	THV.B04637	Vũ Thế Hiền	26/08/91		Huyện Cẩm Khê		1	305	5.25	1.50	2.00	8.75	9.00	
228	THV.B04638	Vi Quang Hiệp	06/08/91		Huyện Thanh Ba		2	306	4.75	1.25	2.50	8.50	8.50	
229	THV.B04639	Lê Thị Ngọc Hiệp	06/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
230	THV.B04640	Nguyễn Hoàng Hiệp	20/10/91		Huyện Phù Ninh		1	305	3.50	1.50	3.50	8.50	8.50	
231	THV.B04641	Hoàng Thị Bích Hiệp	03/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.00	2.00	1.75	7.75	8.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
232	THV.B04642	Phạm Duy	Hiệp	10/02/91		Huyện Thanh Thủy	02	1	306	3.50	2.75	4.25	10.50	10.50	
233	THV.B04643	Khổng Thị	Hình	28/06/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	304	3.25	1.50	2.75	7.50	7.50	
234	THV.B04644	Lê Quang	Hiên	21/03/91		Huyện Thanh Ba		2		2.50	1.00	2.00	5.50	5.50	
235	THV.B04646	Nguyễn Thị	Hiên	23/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.50	3.00	4.00	12.50	12.50	
236	THV.B04647	Vũ Thị Thu	Hiên	19/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	305	5.25	1.25	3.00	9.50	9.50	
237	THV.B04648	Bùi Thị	Hiên	20/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.50	1.25	3.00	8.75	9.00	
238	THV.B04649	Viết Thị Minh	Hiên	12/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2		4.50	2.50	2.75	9.75	10.00	
239	THV.B04650	Nguyễn Thị Thu	Hiên	12/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	4.50	1.50	3.25	9.25	9.50	
240	THV.B04651	Nguyễn Thị Thu	Hiên	10/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.00	2.50	3.00	10.50	10.50	
241	THV.B04652	Hà Thị Thu	Hiên	06/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		4.75	1.25	4.00	10.00	10.00	
242	THV.B04653	Điền Thu	Hiên	01/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	
243	THV.B04654	Lê Thị Thuý	Hiên	13/11/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2		3.25	1.25	2.75	7.25	7.50	
244	THV.B04655	Nguyễn Thị Thu	Hiên	14/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		4.25	1.00	2.75	8.00	8.00	
245	THV.B04656	Nguyễn Thị Thu	Hiên	29/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	305	6.00	2.25	4.50	12.75	13.00	
246	THV.B04657	Nguyễn Thị Thu	Hiên	23/04/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	4.50	3.00	3.25	10.75	11.00	
247	THV.B04658	Lê Thị	Hiên	02/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1		3.75	1.00	3.00	7.75	8.00	
248	THV.B04659	Dương Thị Thu	Hiên	12/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	305	3.50	1.00	3.25	7.75	8.00	
249	THV.B04661	Phan Thị Thu	Hiên	16/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	306	4.00	1.50	3.00	8.50	8.50	
250	THV.B04662	Nguyễn Thị Thu	Hiên	27/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		3.50	3.50	4.00	11.00	11.00	
251	THV.B04663	Cao Thị	Hiên	04/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	2NT	306	4.50	2.25	3.75	10.50	10.50	
252	THV.B04664	Nguyễn Thị Anh	Hoa	02/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	306	4.50	1.00	2.25	7.75	8.00	
253	THV.B04665	Đỗ Thị	Hoa	19/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	306	3.75	1.25	2.25	7.25	7.50	
254	THV.B04667	Trần Thị Kim	Hoa	05/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	3.50	3.00	3.50	10.00	10.00	
255	THV.B04668	Nguyễn Tố	Hoa	08/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.50	2.50	3.00	10.00	10.00	
256	THV.B04669	Hoàng Thị	Hoa	09/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.50	1.75	2.50	6.75	7.00	
257	THV.B04670	Lê Thị	Hoa	10/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.25	2.50	2.50	9.25	9.50	
258	THV.B04671	Nguyễn Thị	Hoa	09/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.75	1.00	2.50	7.25	7.50	
259	THV.B04672	Trần Thanh	Hoa	27/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	305	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
260	THV.B04675	Hoàng Thị	Hoán	24/01/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		4.25	1.25	3.50	9.00	9.00	
261	THV.B04676	Hoàng Văn	Hoà	27/09/91		Huyện Yên Lập	01	1		4.25	1.25	3.50	9.00	9.00	
262	THV.B04677	Đỗ Thị	Hoà	15/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	305	4.75	4.00	4.75	13.50	13.50	
263	THV.B04678	Hoàng Văn	Hoà	03/01/91		Huyện Yên Lập	01	1		4.25	2.50	2.75	9.50	9.50	
264	THV.B04679	Cao Thị Khánh	Hoà	05/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	305	4.75	1.00	3.25	9.00	9.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
265	THV.B04680	Lê Thị Việt	Hoà	17/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2		3.50	1.25	3.50	8.25	8.50	
266	THV.B04681	Trần Quang	Hoàn	01/08/90		Thị xã Phú Thọ		2		3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
267	THV.B04683	Hà Kim	Hoàn	10/06/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.50	1.25	2.00	7.75	8.00	
268	THV.B04685	Nguyễn Dịch	Hoàng	17/03/91		Huyện Thanh Ba		1	304	2.00	2.75	2.75	7.50	7.50	
269	THV.B04686	Đỗ Xuân	Hoàng	22/12/91		Huyện Thanh Ba		2		3.50	8.00	4.50	16.00	16.00	
270	THV.B04687	Hoàng Thị	Hòa	14/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1		3.50	1.25	2.75	7.50	7.50	
271	THV.B04688	Đình Thị	Hòa	07/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		3.75	0.50	2.25	6.50	6.50	
272	THV.B04689	Nguyễn Thái	Học	04/07/91		Huyện Lâm Thao		2NT	305	5.50	1.25	4.25	11.00	11.00	
273	THV.B04690	Vàng Seo	Hồ	17/05/87		Huyện Bắc Hà	01	1	305	3.50	2.00	2.50	8.00	8.00	
274	THV.B04692	Lê Văn	Hồng	21/11/86		Huyện Tam Đảo		1		3.50	1.50	4.50	9.50	9.50	
275	THV.B04693	Hà Văn	Hồng	28/01/91		Huyện Lập Thạch		1	305	4.50	1.00	2.00	7.50	7.50	
276	THV.B04695	Khuất Thị	Hồng	24/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		4.25	1.50	1.50	7.25	7.50	
277	THV.B04697	Nguyễn Thị	Hồng	21/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	305	5.25	2.75	3.75	11.75	12.00	
278	THV.B04699	Hán Xuân	Hợp	23/05/91		Huyện Thanh Ba		2		4.50	1.25	3.00	8.75	9.00	
279	THV.B04701	Nguyễn Văn	Huấn	12/07/91		Huyện Chiêm Hoá	01	1		5.75	2.00	3.00	10.75	11.00	
280	THV.B04703	Đình Văn	Huê	17/05/89		Huyện Yên Lập	01	1		4.00	1.25	2.00	7.25	7.50	
281	THV.B04707	Đỗ Thị	Huế	14/07/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		3.50	2.75	3.00	9.25	9.50	
282	THV.B04710	Hoàng Thị	Huê	19/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	306	5.50	1.50	3.00	10.00	10.00	
283	THV.B04711	Nguyễn Thị Bích	Huê	18/04/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	304	2.50	0.50	1.50	4.50	4.50	
284	THV.B04712	Đỗ Thị	Huê	13/12/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	306	4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	
285	THV.B04713	Nguyễn Kim	Huê	06/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	306	3.75	1.25	2.75	7.75	8.00	
286	THV.B04714	Bùi Thị Minh	Huê	01/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	4.50	1.25	3.00	8.75	9.00	
287	THV.B04715	Trần Thị	Huê	25/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	1.00	3.75	8.25	8.50	
288	THV.B04716	Đỗ Văn	Huy	20/08/91		Huyện Thanh Ba		2	C66	3.50	3.50		7.00	7.00	
289	THV.B04718	Nguyễn Minh	Huy	30/12/91		Huyện Vĩnh Bảo		2	306	4.50	1.25	2.00	7.75	8.00	
290	THV.B04719	Hứa Quang	Huy	21/07/90		TP. Việt Trì	01	2	306	3.00	2.50	1.50	7.00	7.00	
291	THV.B04720	Chử Khắc	Huy	19/12/90		Huyện Lâm Thao		1	306	3.00	3.50	3.25	9.75	10.00	
292	THV.B04721	Trần Ngọc Quang	Huy	14/11/91		Huyện Phù Ninh		1	305	5.50	1.25	2.25	9.00	9.00	
293	THV.B04722	Nguyễn Quốc	Huy	25/03/91		Huyện Hạ Hoà		1		7.50	9.00	5.00	21.50	21.50	
294	THV.B04723	Đỗ Ngọc	Huy	04/06/91		Huyện Phù Ninh	06	1	305	3.50	2.25	3.75	9.50	9.50	
295	THV.B04724	Phi Quốc	Huy	15/06/91		Huyện Thanh Ba		2		3.00	2.75	3.75	9.50	9.50	
296	THV.B04726	Triệu Thị	Huyền	07/03/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	305	1.75	0.75	2.50	5.00	5.00	
297	THV.B04727	Hoàng Thị	Huyền	12/01/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		4.50	0.75	2.25	7.50	7.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
298	THV.B04729	Bùi Thị	Huyền	20/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	305	4.25	2.25	2.75	9.25	9.50	
299	THV.B04730	Bùi Thanh	Huyền	14/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		5.75	0.75	2.50	9.00	9.00	
300	THV.B04731	Nguyễn Thu	Huyền	25/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	305	3.25	0.75	2.50	6.50	6.50	
301	THV.B04732	Nguyễn Thị	Huyền	18/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	305	3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
302	THV.B04733	Đoàn Thị Thu	Huyền	14/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.25	1.50	3.50	10.25	10.50	
303	THV.B04734	Đào Thị Thanh	Huyền	30/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	304	4.75	2.75	5.00	12.50	12.50	
304	THV.B04737	Bùi Thị Lệ	Huyền	05/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2	305	3.50	6.50	4.50	14.50	14.50	
305	THV.B04738	Trần Thị	Huyền	26/10/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.25	2.25	2.25	8.75	9.00	
306	THV.B04741	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/10/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	2.25	1.25	3.50	7.00	7.00	
307	THV.B04742	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	05/06/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	304	3.50	4.50	3.50	11.50	11.50	
308	THV.B04743	Cao Thị	Huyền	14/07/91	Nữ	Huyện Diên Châu		2NT		2.75	1.00	2.00	5.75	6.00	
309	THV.B04744	Nguyễn Thị	Huyền	07/05/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	305	3.75	1.25	2.75	7.75	8.00	
310	THV.B04745	Nguyễn Văn	Huỳnh	10/11/91		Huyện Văn Bàn	01	1	305	3.75	1.50	2.75	8.00	8.00	
311	THV.B04746	Hà Thị	Huỳnh	15/06/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1		5.00	1.25	2.50	8.75	9.00	
312	THV.B04748	Nguyễn Danh	Hùng	05/11/88		Huyện Yên Lập	01	1	306	5.00	1.75	3.25	10.00	10.00	
313	THV.B04749	Nguyễn Đức	Hùng	01/05/91		Huyện Lâm Thao		1	304	5.50	2.75	2.25	10.50	10.50	
314	THV.B04750	Lê Đức	Hùng	22/05/91		Huyện Phù Ninh		2	304	4.25	5.75	3.75	13.75	14.00	
315	THV.B04751	Lê Huy	Hùng	09/12/86		Huyện Cẩm Khê		2NT		3.00	4.75	4.50	12.25	12.50	
316	THV.B04754	Đình Thanh	Hưng	20/08/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	306	3.75	2.50	2.25	8.50	8.50	
317	THV.B04756	Nguyễn Duy	Hưng	12/10/90		Huyện Phù Ninh		1		4.50	1.00	2.25	7.75	8.00	
318	THV.B04757	Nguyễn Tiến	Hưng	09/01/90		Huyện Lập Thạch		1	306	4.50	3.00	4.50	12.00	12.00	
319	THV.B04758	Nguyễn Nhật	Hưng	24/05/91		Huyện Phù Ninh		1	305	5.75	4.00	3.50	13.25	13.50	
320	THV.B04759	Phạm Đức	Hưng	15/01/91		Huyện Thanh Thủy	01	1		5.00	2.00	3.25	10.25	10.50	
321	THV.B04760	Lê Đình	Hưng	21/01/90		Thị xã Phú Thọ		2	305	3.75	3.75	1.75	9.25	9.50	
322	THV.B04761	Nguyễn Xuân	Hưng	17/06/90		Huyện Thanh Ba		1		5.00	1.25	3.75	10.00	10.00	
323	THV.B04762	Nguyễn Thị Thu	Hương	04/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	304	4.50	2.00	3.25	9.75	10.00	
324	THV.B04763	Trần Thị Thu	Hương	20/02/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	304	5.50	5.00	3.50	14.00	14.00	
325	THV.B04765	Nguyễn Trần Dạ	Hương	26/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	306	4.50	1.50	3.00	9.00	9.00	
326	THV.B04767	Nguyễn Thị	Hương	04/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.50	3.25	2.00	8.75	9.00	
327	THV.B04768	Lê Thị Mai	Hương	18/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	305	4.00	1.75	2.75	8.50	8.50	
328	THV.B04769	Lê Thị	Hương	05/10/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	1	305	3.00	1.25	1.75	6.00	6.00	
329	THV.B04770	Ngô Thị Lan	Hương	12/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
330	THV.B04771	Đặng Thị Thanh	Hương	05/09/89	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	306	4.75	7.00	3.00	14.75	15.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
331	THV.B04772	Hà Thị Thu Hương	28/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.00	1.00	1.50	6.50	6.50	
332	THV.B04773	Bùi Thị Hương	10/09/89	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	3.25	0.25	2.75	6.25	6.50	
333	THV.B04774	Trần Thị Thu Hương	24/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	305	1.75	6.25	4.50	12.50	12.50	
334	THV.B04775	Hà Thu Hương	20/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		2.25	1.00	4.00	7.25	7.50	
335	THV.B04777	Hoàng Thị Hương	15/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		4.50	5.00	3.50	13.00	13.00	
336	THV.B04778	Vũ Thị Hương	04/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT		2.75	1.00	3.00	6.75	7.00	
337	THV.B04779	Nguyễn Thị Lan Hương	07/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		3.00	1.00	3.25	7.25	7.50	
338	THV.B04780	Vũ Thị Hương	02/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	306	3.75	1.00	3.25	8.00	8.00	
339	THV.B04781	Hồ Thị Hương	20/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		3.25	1.00	3.25	7.50	7.50	
340	THV.B04783	Trần Thị Lan Hương	01/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	305	3.50	1.00	2.25	6.75	7.00	
341	THV.B04784	Phạm Thị Thu Hương	04/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	304	4.75	6.50	4.25	15.50	15.50	
342	THV.B04786	Lê Thị Hương	27/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		2.00	1.00	1.75	4.75	5.00	
343	THV.B04787	Nguyễn Thị Thu Hương	01/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		3.50	2.50	3.75	9.75	10.00	
344	THV.B04788	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		6.00	2.50	3.25	11.75	12.00	
345	THV.B04789	Phan Thị Thu Hương	27/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.75	1.25	2.00	7.00	7.00	
346	THV.B04790	Nguyễn Thị Mai Hương	22/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1		4.75	1.75	2.75	9.25	9.50	
347	THV.B04791	Đỗ Thị Hương	22/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	2NT		4.00	1.75	2.25	8.00	8.00	
348	THV.B04793	Lê Văn Hương	15/12/90		TP. Việt Trì		2	C66	5.00	2.75	4.50	12.25	12.50	
349	THV.B04798	Lý Thị Hương	26/12/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	305	3.00	0.25	3.50	6.75	7.00	
350	THV.B04800	Nguyễn Thị Thu Hương	24/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	2.25	0.50	3.50	6.25	6.50	
351	THV.B04801	Bùi Thị Hương	05/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	3.25	1.00	1.75	6.00	6.00	
352	THV.B04802	Nguyễn Thị Hải Hương	16/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1		3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
353	THV.B04804	Vũ Quang Hương	14/10/89		Huyện Lập Thạch		1	306	3.50	5.25	3.00	11.75	12.00	
354	THV.B04805	Vương Văn Khai	23/03/90		Huyện Mường Khương	01	1		4.50	1.25	2.25	8.00	8.00	
355	THV.B04806	Chữ Ngọc Khánh	28/08/91		Huyện Thanh Ba		2		1.75	0.00	2.25	4.00	4.00	
356	THV.B04808	Đình Ngọc Khánh	13/02/91		Huyện Thanh Sơn		1		4.00	1.50	2.00	7.50	7.50	
357	THV.B04809	Trịnh Quang Khải	30/01/91		Huyện Lập Thạch		1	305	3.25	1.00	3.50	7.75	8.00	
358	THV.B04810	Đình Minh Khôi	28/08/91		Huyện Yên Lập	06	1	305	4.50	1.00	2.75	8.25	8.50	
359	THV.B04811	Đào Đoàn Khuê	05/02/91		TP. Việt Trì		2	306	4.00	1.25	3.00	8.25	8.50	
360	THV.B04813	Nguyễn Thị Kim Khuyên	10/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	304	4.00	1.50	3.00	8.50	8.50	
361	THV.B04815	Nguyễn Thị Khuyên	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	305	7.25	1.75	1.50	10.50	10.50	
362	THV.B04816	Đình Khắc Khương	05/05/89		Huyện Yên Bình		1		5.25	1.25	3.00	9.50	9.50	
363	THV.B04817	Lê Trung Kiên	16/12/91		Thị xã Phú Thọ		1		3.25	0.25	2.50	6.00	6.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
364	THV.B04818	Phạm Trung	Kiên	11/06/91		Huyện Phù Ninh		1	304	6.25	3.00	3.25	12.50	12.50	
365	THV.B04823	Hoàng Thị Mai	Lan	18/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2		5.50	6.75	5.50	17.75	18.00	
366	THV.B04824	Hà Thuý	Lan	03/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		4.50	1.00	2.75	8.25	8.50	
367	THV.B04825	Hoàng Thị	Lan	23/07/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	306	6.00	5.75	5.50	17.25	17.50	
368	THV.B04827	Vũ Thị	Lan	10/01/90	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	305	3.50	5.00	5.50	14.00	14.00	
369	THV.B04828	Nguyễn Thị	Lan	13/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.50	2.25	3.50	10.25	10.50	
370	THV.B04829	Nguyễn Thị Minh	Lan	04/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	304	4.25	7.50	4.25	16.00	16.00	
371	THV.B04830	Bùi Thị	Lan	04/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	305	3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
372	THV.B04831	Nguyễn Thị Hương	Lan	02/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	3.00	1.25	2.50	6.75	7.00	
373	THV.B04832	Lê Thị	Lan	07/05/89	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
374	THV.B04833	Hà Thị	Lại	18/04/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1		2.75	0.00	1.75	4.50	4.50	
375	THV.B04834	Nguyễn Tiến	Lâm	19/04/91		TP. Việt Trì		2	305	3.25	0.25	2.25	5.75	6.00	
376	THV.B04835	Nguyễn Thị	Lâm	12/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	306	3.75	1.00	3.00	7.75	8.00	
377	THV.B04836	Nguyễn Văn	Lâm	07/12/90		Huyện Thanh Thủy		1		4.00	1.00	2.75	7.75	8.00	
378	THV.B04838	Trần Văn	Lập	10/10/91		Huyện Cẩm Khê		2NT		4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	
379	THV.B04840	Nguyễn Thị	Lê	25/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		2	305	4.75	2.25	3.50	10.50	10.50	
380	THV.B04841	Nguyễn ánh	Lê	08/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	306	4.00	1.25	2.25	7.50	7.50	
381	THV.B04842	Phùng Thị Bích	Lệ	21/07/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	305	4.50	3.00	2.25	9.75	10.00	
382	THV.B04844	Phan Thanh	Liên	08/12/90		Huyện Thanh Thủy		1	306	5.50	1.50	3.25	10.25	10.50	
383	THV.B04845	Phạm Đình	Liên	16/07/91		Huyện Sơn Dương		1	305	3.50	2.25	2.75	8.50	8.50	
384	THV.B04847	Đào Thị	Liên	26/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT		4.75	1.50	3.75	10.00	10.00	
385	THV.B04850	Nguyễn Thị	Liên	11/04/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	304	4.25	3.50	2.75	10.50	10.50	
386	THV.B04851	Phan Thị Kim	Liên	04/09/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1		1.75	1.50	4.00	7.25	7.50	
387	THV.B04852	Dương Thị Kim	Liên	06/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		3.50	1.00	2.00	6.50	6.50	
388	THV.B04853	Nguyễn Thị	Liên	10/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.25	1.75	2.25	7.25	7.50	
389	THV.B04854	Phạm Thị Thuý	Liên	04/06/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.25	1.50	3.50	10.25	10.50	
390	THV.B04855	Phạm Thị Hồng	Liên	10/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		6.50	6.25	5.50	18.25	18.50	
391	THV.B04858	Trần Tuấn	Linh	22/07/90		Huyện Đoan Hùng		1	305	5.00	2.75	3.50	11.25	11.50	
392	THV.B04859	Trần Thị Anh	Linh	15/12/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2		4.00	0.75	2.75	7.50	7.50	
393	THV.B04860	Nguyễn Văn	Linh	28/09/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	4.50	7.25	4.00	15.75	16.00	
394	THV.B04863	Mai Thị Chi	Linh	05/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.25	1.00	2.75	8.00	8.00	
395	THV.B04864	Từ Văn	Linh	24/10/90		Huyện Tam Nông		1	305	4.50	1.00	3.25	8.75	9.00	
396	THV.B04865	Dương Thị Thuý	Linh	02/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.00	4.00	3.50	11.50	11.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
397	THV.B04867	Nguyễn Văn	Linh	25/01/90		TP. Việt Trì		2	305	3.50	1.50	3.50	8.50	8.50	
398	THV.B04868	Đình Tuấn	Linh	22/01/91		Huyện Thanh Ba		2	304	5.25	2.50	3.00	10.75	11.00	
399	THV.B04869	Hà Khánh	Linh	02/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	304	4.50	1.00	3.25	8.75	9.00	
400	THV.B04870	Nguyễn Thị Diệu	Linh	02/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		5.00	2.25	3.50	10.75	11.00	
401	THV.B04872	Lưu Thị Nga	Linh	10/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	1.75	2.50	7.75	8.00	
402	THV.B04873	Đoàn Việt	Linh	10/04/91		Thành phố Yên Bái		2	304	4.50	1.75	3.50	9.75	10.00	
403	THV.B04875	Lục Thị	Loan	17/06/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	305	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
404	THV.B04877	Đỗ Phương	Loan	02/07/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	305	4.00	1.25	1.25	6.50	6.50	
405	THV.B04879	Đoàn Thị	Loan	05/01/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		4.50	3.25	3.00	10.75	11.00	
406	THV.B04880	Nguyễn Thị	Loan	15/09/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	304	3.00	0.75	1.75	5.50	5.50	
407	THV.B04881	Nguyễn Thanh	Loan	10/01/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.75	1.00	2.00	5.75	6.00	
408	THV.B04882	Nguyễn Thị	Loan	20/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	1.00	2.25	6.75	7.00	
409	THV.B04884	Bùi Thị	Loan	09/06/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	305	2.75	1.75	3.75	8.25	8.50	
410	THV.B04885	Nguyễn Thị Thanh	Loan	15/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	305	4.50	1.25	2.00	7.75	8.00	
411	THV.B04886	Hà Thị	Loan	03/01/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		4.50	7.00	5.00	16.50	16.50	
412	THV.B04888	Nguyễn Thị Thanh	Loan	03/01/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		3.75	1.00	3.00	7.75	8.00	
413	THV.B04889	Nguyễn Thị Kim	Loan	15/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	304	4.50	4.25	4.50	13.25	13.50	
414	THV.B04891	Dương Văn	Long	20/04/91		Huyện Hạ Hoà		1	304	4.75	1.00	1.75	7.50	7.50	
415	THV.B04892	Phạm Thành	Long	23/02/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.50	1.75	3.25	9.50	9.50	
416	THV.B04893	Phạm Bảo	Long	16/05/91		Huyện Thanh Ba		1	304	4.00	1.50	3.00	8.50	8.50	
417	THV.B04895	Phan Kim	Long	20/05/91		Huyện Yên Lạc		2NT	306	2.50	2.00	1.75	6.25	6.50	
418	THV.B04896	Nguyễn Văn	Long	20/11/91		Huyện Thanh Thủy		1	305	7.00	3.75	4.50	15.25	15.50	
419	THV.B04898	Đặng Thị	Lộc	16/08/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		3.75	1.00	2.00	6.75	7.00	
420	THV.B04899	Nguyễn Xuân	Lộc	04/03/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.50	4.00	3.75	12.25	12.50	
421	THV.B04900	Lý Láo	Lở	12/12/91		Huyện Sa Pa	01	1		3.50	1.00	1.50	6.00	6.00	
422	THV.B04901	Lưu Văn	Lợi	19/09/90		Huyện Thanh Sơn		1		1.50	2.00	2.50	6.00	6.00	
423	THV.B04902	Nguyễn Thị	Lợi	06/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	306	5.00	1.25	2.50	8.75	9.00	
424	THV.B04904	Nguyễn Thành	Luân	02/01/91		Huyện Phù Ninh		1	305	5.50	1.25	3.75	10.50	10.50	
425	THV.B04906	Bùi Thị Kim	Luân	04/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.75	2.50	5.00	12.25	12.50	
426	THV.B04908	Nguyễn Thị	Luận	22/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.75	1.25	2.75	8.75	9.00	
427	THV.B04910	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	23/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	305	3.75	1.00	2.00	6.75	7.00	
428	THV.B04911	Hoàng Thị	Luyến	03/12/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		2.50	0.25	2.50	5.25	5.50	
429	THV.B04912	Nguyễn Hồng	Luyến	10/06/90		Huyện Cẩm Khê		2NT		3.50	5.50	5.50	14.50	14.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
430	THV.B04914	Thào A	Lù	08/12/91		Huyện Mù Cang Chải	01	1	305	5.75	3.00	3.50	12.25	12.50	
431	THV.B04915	Nguyễn Thị	Lụa	11/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		3.50	1.25	3.25	8.00	8.00	
432	THV.B04916	Nguyễn Thị	Lụa	01/08/84	Nữ	TP. Việt Trì		2	305	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
433	THV.B04917	Lương Thị	Lương	25/07/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	304	4.25	1.50	3.25	9.00	9.00	
434	THV.B04918	Nguyễn Hương	Ly	02/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.75	0.00	1.00	4.75	5.00	
435	THV.B04920	Trần Ngọc	Lý	20/11/91		Huyện Lập Thạch		1	304	4.75	1.50	1.50	7.75	8.00	
436	THV.B04921	Hoàng Thị Hải	Lý	26/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	305	4.25	1.00	2.50	7.75	8.00	
437	THV.B04923	Nguyễn Thị	Lý	08/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	5.00	2.50	3.50	11.00	11.00	
438	THV.B04925	Nguyễn Thanh	Mai	10/02/90		Huyện Cẩm Khê		1	C66	4.00	4.75	5.25	14.00	14.00	
439	THV.B04927	Nguyễn Thị Phương	Mai	14/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	306	3.50	1.25	3.25	8.00	8.00	
440	THV.B04928	Lê Thị Thanh	Mai	29/10/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.00	5.25	4.25	13.50	13.50	
441	THV.B04929	Nguyễn Thị	Mai	11/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	305	5.50	4.75	2.50	12.75	13.00	
442	THV.B04931	Hoàng Thị	Mai	22/12/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		2.75	1.25	2.25	6.25	6.50	
443	THV.B04933	Nguyễn Thị	Mai	17/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	306	5.50	4.25	3.50	13.25	13.50	
444	THV.B04934	Lê Thị Hoa	Mai	14/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.25	1.00	3.00	7.25	7.50	
445	THV.B04935	Trần Thị Tuyết	Mai	22/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	306	5.00	5.25	3.75	14.00	14.00	
446	THV.B04937	Đào Thị Ngọc	Mai	20/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.25	2.00	3.50	10.75	11.00	
447	THV.B04938	Bùi Hoa	Mai	01/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		2.50	0.50	2.50	5.50	5.50	
448	THV.B04940	Vũ Việt	Mạnh	01/04/91		Huyện Phù Ninh		2NT	305	4.00	3.25	3.00	10.25	10.50	
449	THV.B04942	Nguyễn Văn	Mạnh	15/02/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	5.50	1.50	3.50	10.50	10.50	
450	THV.B04943	Triệu Văn	Mạnh	25/12/91		Huyện Lâm Thao		2NT	306	5.50	3.25	4.50	13.25	13.50	
451	THV.B04944	Nguyễn Văn	Mạnh	06/06/91		Thị xã Phú Thọ		2		3.00	1.25	2.75	7.00	7.00	
452	THV.B04946	Hoàng Thủy	Mây	06/08/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	305	3.50	1.25	4.25	9.00	9.00	
453	THV.B04948	Phùng Thị	Mến	10/02/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	
454	THV.B04949	Dương Thị	Mến	03/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		2.50	1.25	2.75	6.50	6.50	
455	THV.B04950	Nguyễn Thị	Miền	23/08/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	1.50	3.00	8.00	8.00	
456	THV.B04951	Đường Văn	Minh	28/11/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
457	THV.B04953	Đặng Văn	Minh	08/10/82		Thị xã Phú Thọ	03	2	304	3.75	4.75	5.00	13.50	13.50	
458	THV.B04954	Nguyễn Ngọc	Minh	10/11/91		Huyện Tam Nông		1		4.50	6.25	6.25	17.00	17.00	
459	THV.B04956	Trần Thị	Minh	20/04/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		4.50	5.50	4.75	14.75	15.00	
460	THV.B04958	Đặng Ngọc Diệu	Mơ	18/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		3.25	1.00	2.50	6.75	7.00	
461	THV.B04959	Nguyễn Thị	Mơ	02/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	304	3.00	1.75	3.25	8.00	8.00	
462	THV.B04960	Vũ Thị	Mùi	14/01/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	4.00	1.50	2.25	7.75	8.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
463	THV.B04961	Trần Thị	Mùi	31/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	305	3.75	2.00	2.75	8.50	8.50	
464	THV.B04962	Trần Thị	Mỹ	24/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	306	3.25	2.25	3.25	8.75	9.00	
465	THV.B04964	Trần Ngọc	Nam	07/05/91		TP. Việt Trì		2	305	4.00	5.00	4.75	13.75	14.00	
466	THV.B04965	Nguyễn Thiện	Nam	06/04/91		Huyện Yên Lập	01	1		7.25	5.50	6.50	19.25	19.50	
467	THV.B04967	Hà Thị	Nam	01/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		3.25	1.00	2.50	6.75	7.00	
468	THV.B04968	Nguyễn Hải	Nam	15/01/90		Thị xã Phú Thọ		2		6.50	1.75	1.75	10.00	10.00	
469	THV.B04969	Trần Đức	Nam	07/10/91		Huyện Lâm Thao		2NT	304	3.50	3.25	2.50	9.25	9.50	
470	THV.B04971	Lê Văn	Nam	02/02/91		Huyện Lâm Thao		2NT		5.50	6.00	3.50	15.00	15.00	
471	THV.B04975	Nguyễn Công	Năng	23/12/90		Huyện Lập Thạch		1	305	3.25	1.00	3.50	7.75	8.00	
472	THV.B04977	Đỗ Thị	Nga	26/10/91	Nữ	Huyện Lương Tài		1		4.25	1.00	3.25	8.50	8.50	
473	THV.B04978	Hà Thị	Nga	09/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	2	306	4.25	3.00	4.00	11.25	11.50	
474	THV.B04979	Hoàng Hằng	Nga	01/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.75	1.25	2.25	7.25	7.50	
475	THV.B04980	Bùi Thị Thanh	Nga	20/05/90	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT		3.00	1.25	3.00	7.25	7.50	
476	THV.B04982	Nguyễn Thị Thuý	Nga	08/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	306	3.25	0.75	3.00	7.00	7.00	
477	THV.B04983	Trần Thị	Nga	26/12/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		3.50	2.75	3.50	9.75	10.00	
478	THV.B04984	Nguyễn Thị Thúy	Nga	08/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		4.25	2.50	1.75	8.50	8.50	
479	THV.B04985	Lương Thị	Nga	16/06/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		4.50	1.00	2.50	8.00	8.00	
480	THV.B04986	Hoàng Thị	Ngát	13/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT		3.50	1.00	1.75	6.25	6.50	
481	THV.B04987	Đặng Thị	Ngân	10/09/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	2.75	1.00	2.00	5.75	6.00	
482	THV.B04990	Triệu Thị Bích	Ngân	08/11/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	305	4.50	1.00	2.75	8.25	8.50	
483	THV.B04991	Phạm Thị	Ngân	02/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		2.75	1.00	3.00	6.75	7.00	
484	THV.B04992	Nguyễn Thị	Ngân	17/01/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		4.50	1.25	3.00	8.75	9.00	
485	THV.B04993	Lê Thị	Ngân	31/12/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1		4.50	2.75	2.50	9.75	10.00	
486	THV.B04994	Nguyễn Thị	Ngân	16/05/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	306	5.00	3.00	2.75	10.75	11.00	
487	THV.B04995	Bùi Thị Phương	Ngân	21/06/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	304	3.25	1.50	3.25	8.00	8.00	
488	THV.B04996	Dương Thị	Ngân	04/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	04	1		4.50	1.25	3.50	9.25	9.50	
489	THV.B04997	Cao Thị Thuý	Ngân	26/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		1		4.50	1.00	1.75	7.25	7.50	
490	THV.B04999	Hoàng Thị	Ngân	27/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	305	4.00	1.25	2.50	7.75	8.00	
491	THV.B05001	Trần Đức	Nghiêm	02/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	304	5.25	1.50	3.50	10.25	10.50	
492	THV.B05002	Nguyễn Trung	Nghĩa	17/06/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	305	5.75	2.25	3.75	11.75	12.00	
493	THV.B05003	Lê Thanh	Nghị	20/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	6.00	1.75	3.75	11.50	11.50	
494	THV.B05006	Trương Thị Bích	Ngọc	03/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.25	1.25	1.25	6.75	7.00	
495	THV.B05008	Nguyễn Danh	Ngọc	26/10/90		Huyện Cẩm Khê		2NT	304	4.25	1.00	3.00	8.25	8.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
496	THV.B05009	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	304	2.75	1.25	2.75	6.75	7.00	
497	THV.B05012	Nguyễn Văn	Ngọc	03/08/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.50	0.75	3.25	8.50	8.50	
498	THV.B05016	Nguyễn Thị	Ngọc	12/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.50	1.00	3.25	8.75	9.00	
499	THV.B05017	Nguyễn Thị	Nguyên	20/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	306	3.75	1.25	2.00	7.00	7.00	
500	THV.B05018	Trần Công	Nguyên	24/01/91		Huyện Thanh Ba		1	304	4.00	2.75	3.50	10.25	10.50	
501	THV.B05020	Nguyễn Thị Mai	Nguyệt	20/05/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	305	3.75	1.00	2.50	7.25	7.50	
502	THV.B05022	Triệu Thị	Nguyệt	21/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	305	4.50	1.00	3.00	8.50	8.50	
503	THV.B05023	Nguyễn Thanh	Nhàn	02/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	304	4.00	1.00	1.50	6.50	6.50	
504	THV.B05024	Hoàngthị Thanh	Nhàn	18/02/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	305	2.75	1.00	1.75	5.50	5.50	
505	THV.B05025	Đỗ Quý	Nhã	23/08/90		Huyện Lập Thạch		1	306	3.75	2.25	3.25	9.25	9.50	
506	THV.B05026	Cao Đắc	Nhất	20/09/90		Huyện Trấn Yên	01	1	305	4.00	1.75	1.50	7.25	7.50	
507	THV.B05030	Đào Thị Hồng	Nhung	19/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.50	1.50	3.50	10.50	10.50	
508	THV.B05032	Đỗ Thị Hồng	Nhung	25/05/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	305	3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
509	THV.B05033	Trần Thị Tuyết	Nhung	19/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	304	6.75	2.25	3.50	12.50	12.50	
510	THV.B05034	Trần Thị Thu	Nhung	25/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	306	6.50	4.50	3.50	14.50	14.50	
511	THV.B05035	Hà Thị Hồng	Nhung	15/07/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn	06	1	306	3.75	1.00	2.25	7.00	7.00	
512	THV.B05036	Hán Thị Hồng	Nhung	20/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	305	5.00	4.50	3.50	13.00	13.00	
513	THV.B05038	Nguyễn Thảo	Nhung	11/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		1		4.50	2.00	2.50	9.00	9.00	
514	THV.B05039	Tạ Thị Tuyết	Nhung	24/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	3.25	2.50	3.00	8.75	9.00	
515	THV.B05040	Nguyễn Thị	Nhung	13/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1		3.00	1.25	3.25	7.50	7.50	
516	THV.B05041	Phạm Thị	Nhung	08/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	306	4.00	3.00	3.75	10.75	11.00	
517	THV.B05043	Trần Thị	Nhung	12/06/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		3.50	2.00	4.00	9.50	9.50	
518	THV.B05044	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	24/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	305	3.00	4.00	2.50	9.50	9.50	
519	THV.B05045	Trần Thị	Nhung	16/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		4.50	1.50	3.25	9.25	9.50	
520	THV.B05046	Doãn Thị Hồng	Nhung	17/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	304	5.50	1.75	4.50	11.75	12.00	
521	THV.B05047	Trần Thị Hồng	Nhung	19/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.75	1.00	3.25	8.00	8.00	
522	THV.B05048	Bùi Thị	Nhung	21/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	305	3.50	1.75	3.75	9.00	9.00	
523	THV.B05049	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	304	3.50	1.75	1.50	6.75	7.00	
524	THV.B05051	Trần Thị Yến	Oanh	26/11/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	306	3.25	2.00	3.75	9.00	9.00	
525	THV.B05052	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	14/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	306	4.50	2.50	2.75	9.75	10.00	
526	THV.B05054	Nguyễn Kim	Oanh	10/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		4.00	1.25	2.25	7.50	7.50	
527	THV.B05057	Nguyễn Thị Kim	Oanh	22/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		4.75	2.25	3.25	10.25	10.50	
528	THV.B05060	Đào Trọng	Phong	24/08/90		Huyện Lập Thạch		1	305	5.50	1.50	2.50	9.50	9.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
529	THV.B05062	Trần Vĩnh	Phú	25/11/89		Huyện Thanh Ba		1	304	3.50	0.75	2.75	7.00	7.00	
530	THV.B05063	Hoàng Trọng	Phú	30/12/91		Huyện Cẩm Khê		1		5.00	1.00	3.25	9.25	9.50	
531	THV.B05064	Nguyễn Tiến	Phú	23/07/91		TP. Việt Trì		2	304	3.50	2.25	2.75	8.50	8.50	
532	THV.B05066	Hoàng Thị	Phúc	04/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		4.00	0.75	2.75	7.50	7.50	
533	THV.B05067	Hà Văn	Phượng	11/08/90		Huyện Tân Sơn	01	1	305	4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	
534	THV.B05069	Nguyễn Thị Minh	Phượng	18/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	305	5.00	0.75	2.50	8.25	8.50	
535	THV.B05070	Lê Thị	Phượng	29/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	306	5.50	6.00	3.75	15.25	15.50	
536	THV.B05071	Nguyễn Thị Thuý	Phượng	10/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		3.25	1.00	2.75	7.00	7.00	
537	THV.B05072	Nguyễn Thị	Phượng	28/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		3.00	1.25	3.75	8.00	8.00	
538	THV.B05073	Chu Văn	Phượng	22/10/91		Huyện Ba Vì		2NT	306	5.50	1.75	4.00	11.25	11.50	
539	THV.B05074	Dương Thị Mai	Phượng	28/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.50	1.25	3.25	9.00	9.00	
540	THV.B05075	Nguyễn Thị Thu	Phượng	14/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
541	THV.B05076	Hoàng Thị	Phượng	14/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.00	1.00	2.75	8.75	9.00	
542	THV.B05077	Hà Thị	Phượng	15/04/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		3.25	1.00	2.75	7.00	7.00	
543	THV.B05078	Cao Thị	Phượng	12/10/89	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	C66	2.50	2.00	2.75	7.25	7.50	
544	THV.B05079	Triệu Thị	Phượng	17/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.50	3.50	5.50	13.50	13.50	
545	THV.B05080	Hán Thu	Phượng	26/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		4.50	1.75	2.25	8.50	8.50	
546	THV.B05081	Đào Thị	Phượng	10/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		3.75	1.75	2.00	7.50	7.50	
547	THV.B05085	Trần Thị Bích	Phượng	02/01/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	304	5.00	1.50	2.00	8.50	8.50	
548	THV.B05086	Hoàng Thị	Phượng	27/05/89	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		4.25	1.25	2.25	7.75	8.00	
549	THV.B05087	Đỗ Thị	Phượng	20/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	2NT	304	2.25	1.00	1.75	5.00	5.00	
550	THV.B05088	Đặng Thị	Phượng	10/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		4.75	2.75	3.50	11.00	11.00	
551	THV.B05090	Bùi Thị	Phượng	18/08/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1		7.00	3.25	3.50	13.75	14.00	
552	THV.B05091	Bùi Thị Bích	Phượng	17/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.50	1.00	3.75	9.25	9.50	
553	THV.B05092	Lê Thị	Phượng	29/06/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	C66	2.25	1.00	3.75	7.00	7.00	
554	THV.B05094	Nguyễn Đăng	Quang	14/04/91		Huyện Trấn Yên		2	304	4.00	2.00	3.25	9.25	9.50	
555	THV.B05095	Phạm Xuân	Quang	01/11/91		Huyện Phù Ninh		1	304	4.25	1.00	2.50	7.75	8.00	
556	THV.B05096	Nguyễn Anh	Quang	14/12/91		Huyện Thanh Sơn		2	304	4.50	1.50	2.75	8.75	9.00	
557	THV.B05097	Bùi Thị	Quang	10/07/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		2.75	0.25	2.50	5.50	5.50	
558	THV.B05098	Chu Thành	Quả	31/07/90		Thị xã Phú Thọ		2	305	5.25	2.75	3.25	11.25	11.50	
559	THV.B05099	Vũ Văn	Quảng	14/05/91		Huyện Đoan Hùng		1		4.25	1.75	2.50	8.50	8.50	
560	THV.B05100	Trần Xuân	Quảng	25/05/91		Huyện Lập Thạch		1	304	4.25	1.00	2.75	8.00	8.00	
561	THV.B05102	Nguyễn Hoàng	Quân	23/03/91		Huyện Yên Lập		1		5.00	1.50	2.50	9.00	9.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
562	THV.B05103	Trần Ngọc	Quân	27/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	305	4.50	2.50	2.00	9.00	9.00	
563	THV.B05104	Vi Văn	Quân	01/06/91		Huyện Tam Đảo	01	1	306	2.75	1.00	1.75	5.50	5.50	
564	THV.B05105	Nguyễn Ngọc	Quân	01/10/91		Huyện Văn Yên		1	306	4.50	1.75	3.75	10.00	10.00	
565	THV.B05106	Nguyễn Hải	Quân	01/12/91		Huyện Lâm Thao		1	C66	4.50	4.50	3.50	12.50	12.50	
566	THV.B05109	Lê Thị	Quyên	28/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	306	3.75	1.00	3.00	7.75	8.00	
567	THV.B05110	Hà Thị Lệ	Quyên	06/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT		4.00	3.25	3.50	10.75	11.00	
568	THV.B05112	Nguyễn Thị	Quyên	01/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	304	3.50	1.75	2.50	7.75	8.00	
569	THV.B05113	Lê Văn	Quyết	30/05/90		Thị xã Phú Thọ		2	305	3.25	5.00	4.00	12.25	12.50	
570	THV.B05114	Nguyễn Trọng	Quyết	29/05/91		Huyện Thanh Ba		1	304	6.25	4.00	3.50	13.75	14.00	
571	THV.B05115	Trần	Quyết	06/03/90		Thị xã Phú Thọ		2	306	4.00	5.25	3.00	12.25	12.50	
572	THV.B05116	Lê Văn	Quyết	09/04/91		Thị xã Phú Thọ		1	305	5.00	1.00	2.00	8.00	8.00	
573	THV.B05117	Hoàng Thế	Quyên	19/11/89		Huyện Văn Bàn	01	1		3.25	1.75	1.50	6.50	6.50	
574	THV.B05118	Dương Thị	Quý	03/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		2.75	1.25	3.00	7.00	7.00	
575	THV.B05119	Nguyễn Dạ Hương	Quỳnh	17/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	304	4.25	5.00	6.50	15.75	16.00	
576	THV.B05120	Nguyễn Xuân	Quỳnh	29/05/91		Huyện Đoan Hùng		1		4.50	2.00	3.25	9.75	10.00	
577	THV.B05121	Trần Trọng	Quỳnh	29/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	305	3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
578	THV.B05123	Đình Văn	Sách	10/05/91		Huyện Thanh Sơn	01	1		3.50	1.00	2.00	6.50	6.50	
579	THV.B05124	Lý Thị	Sáng	10/09/90	Nữ	Huyện Mù Cang Chải	01	1	304	4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	
580	THV.B05127	Nguyễn Thị	Sen	13/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		6.25	4.50	3.75	14.50	14.50	
581	THV.B05129	Nguyễn Thị	Sinh	16/05/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	3.75	1.25	2.50	7.50	7.50	
582	THV.B05132	Nguyễn Thị	Song	11/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	305	2.25	1.00	3.50	6.75	7.00	
583	THV.B05134	Trần Đình	Sơn	08/10/90		Huyện Quỳnh Lưu		2NT		3.25	3.50	4.25	11.00	11.00	
584	THV.B05135	Đình Quang	Sơn	19/11/90		Huyện Yên Lập	01	1	305	4.25	3.25	3.00	10.50	10.50	
585	THV.B05136	Nguyễn Trường	Sơn	09/02/91		Huyện Cẩm Khê		1		3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
586	THV.B05137	Lê Đức	Sơn	05/03/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	304	4.00	3.50	2.75	10.25	10.50	
587	THV.B05138	Nguyễn Thái	Sơn	29/10/91		Huyện Thanh Ba		2	306	3.75	2.50	3.50	9.75	10.00	
588	THV.B05139	Lưu Văn	Tài	09/09/90		Huyện Chí Linh		1	304	6.00	2.75	2.00	10.75	11.00	
589	THV.B05140	Trần Thị	Tâm	17/10/89	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	305	4.25	1.25	1.50	7.00	7.00	
590	THV.B05143	Trần Thị Thanh	Tâm	04/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		3.25	1.00	3.50	7.75	8.00	
591	THV.B05144	Nguyễn Thị	Tâm	25/07/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		4.25	1.00	2.50	7.75	8.00	
592	THV.B05145	Nguyễn Công	Tâm	10/10/91		Huyện Yên Lập	01	1		5.25	5.00	3.25	13.50	13.50	
593	THV.B05146	Vi Thị	Tâm	05/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		6.50	1.00	4.75	12.25	12.50	
594	THV.B05148	Trần Thị	Tâm	22/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	304	5.50	5.25	3.75	14.50	14.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
595	THV.B05149	Hà Thị	Tâm	01/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.50	1.50	2.50	7.50	7.50	
596	THV.B05150	Lê Xuân	Tân	28/02/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.25	1.00	1.50	6.75	7.00	
597	THV.B05154	Nguyễn Thị Mỹ	Tân	08/09/90	Nữ	Thị xã Hà Giang	01	1	305	3.25	0.25	1.50	5.00	5.00	
598	THV.B05155	Trương Thị Kim	Tân	11/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	306	6.25	2.25	3.50	12.00	12.00	
599	THV.B05156	Nguyễn Việt	Tân	15/12/91		Huyện Phù Ninh		1	304	2.75	5.25	5.25	13.25	13.50	
600	THV.B05157	Nguyễn Trọng	Tấn	27/09/91		Huyện Yên Lập		1	305	3.75	5.50	6.00	15.25	15.50	
601	THV.B05158	Nguyễn Doãn	Tâu	22/02/91		Thị xã Phú Thọ		2	304	3.75	1.25	2.50	7.50	7.50	
602	THV.B05160	Đình Thị	Thanh	07/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	305	3.75	1.25	2.50	7.50	7.50	
603	THV.B05161	Trần Thị	Thanh	05/05/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	304	4.50	1.25	2.75	8.50	8.50	
604	THV.B05162	Nguyễn Thị	Thanh	15/07/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1		5.00	2.75	3.00	10.75	11.00	
605	THV.B05163	Nguyễn Quang	Thanh	01/11/91		Huyện Lâm Thao		2NT	306	5.50	4.00	6.50	16.00	16.00	
606	THV.B05164	Bùi Thị	Thanh	16/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	3.75	3.25	3.50	10.50	10.50	
607	THV.B05166	Đỗ Thị Thuý	Thanh	26/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		5.50	2.50	1.50	9.50	9.50	
608	THV.B05167	Đình Thị	Thanh	26/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		4.25	2.25	3.00	9.50	9.50	
609	THV.B05169	Hà Thị	Thanh	01/07/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		3.75	1.50	2.75	8.00	8.00	
610	THV.B05170	Thân Thị	Thanh	10/06/91	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT		3.50	1.00	4.75	9.25	9.50	
611	THV.B05173	Hà Thị	Thái	13/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	4.25	1.00	4.75	10.00	10.00	
612	THV.B05174	Đặng Chí	Thái	19/08/91		Huyện Thanh Thủy		1	306	4.50	1.25	2.25	8.00	8.00	
613	THV.B05175	Lê Quang	Thái	02/10/91		Huyện Phù Ninh		1	305	3.25	2.50	3.50	9.25	9.50	
614	THV.B05176	Bùi Ngọc	Thái	12/04/91		Huyện Tam Nông		1	306	4.00	1.00	2.00	7.00	7.00	
615	THV.B05177	Hoàng Ngọc	Thái	01/01/91		Huyện Hạ Hoà		1		3.50	5.00	7.00	15.50	15.50	
616	THV.B05179	Hoàng Quang	Thánh	15/02/90		Huyện Bắc Quang	01	1	305	5.50	3.50	2.50	11.50	11.50	
617	THV.B05180	Tạ Tuấn	Thành	28/08/91		TP. Việt Trì	06	2	305	5.00	6.50	5.50	17.00	17.00	
618	THV.B05181	Mai Đức	Thành	22/06/89		Huyện Sơn Dương		2	304	3.50	5.25	4.50	13.25	13.50	
619	THV.B05183	Hà Chung	Thành	07/05/90		Thị xã Phú Thọ		2		4.00	3.75	3.75	11.50	11.50	
620	THV.B05184	Lê Đức	Thành	18/11/91		Huyện Thanh Ba		1		5.25	1.75	3.75	10.75	11.00	
621	THV.B05186	Lại Đức	Thành	20/03/90		Huyện Cẩm Khê		2NT	304	6.50	1.25	1.25	9.00	9.00	
622	THV.B05188	Hoàng Duy	Thảo	18/06/91		Huyện Bảo Yên	01	1	304	4.75	1.00	4.00	9.75	10.00	
623	THV.B05189	Đỗ Thị	Thảo	25/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	304	3.75	3.25	3.25	10.25	10.50	
624	THV.B05191	Lê Thị Thu	Thảo	02/07/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		5.00	4.25	3.00	12.25	12.50	
625	THV.B05192	Nguyễn Thị	Thảo	14/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		3.50	1.25	3.00	7.75	8.00	
626	THV.B05193	Phạm Thị Thu	Thảo	08/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	305	3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
627	THV.B05196	Đoàn Thị Phương	Thảo	05/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		8.50	8.00	5.75	22.25	22.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
628	THV.B05197	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.25	3.25	2.50	9.00	9.00	
629	THV.B05198	Vi Thị Phương	Thảo	01/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	305	4.75	0.50	1.25	6.50	6.50	
630	THV.B05199	Đoàn Thị Thương	Thảo	01/04/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	306	6.00	2.25	4.25	12.50	12.50	
631	THV.B05200	Cao Thị Thu	Thảo	01/04/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	3.50	0.25	3.50	7.25	7.50	
632	THV.B05201	Tạ Thị Phương	Thảo	12/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	304	5.50	4.00	4.75	14.25	14.50	
633	THV.B05202	Đặng Thị Phương	Thảo	01/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	5.75	2.75	3.75	12.25	12.50	
634	THV.B05203	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/12/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	304	3.00	1.25	2.75	7.00	7.00	
635	THV.B05204	Phạm Thị Thanh	Thảo	10/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		3.75	3.75	3.50	11.00	11.00	
636	THV.B05205	Nguyễn Phương	Thảo	19/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.75	0.25	3.00	7.00	7.00	
637	THV.B05206	Nguyễn Thị Thu	Thảo	25/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		4.75	1.00	3.00	8.75	9.00	
638	THV.B05207	Đào Thị Thu	Thảo	03/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	5.00	2.00	2.25	9.25	9.50	
639	THV.B05210	Nguyễn Thị Bích	Thảo	10/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		4.50	4.50	5.50	14.50	14.50	
640	THV.B05212	Phùng Thị	Thảo	15/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	306	5.25	4.50	3.50	13.25	13.50	
641	THV.B05214	Nguyễn Thị	Thắm	27/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		6.75	2.75	3.50	13.00	13.00	
642	THV.B05215	Phùng Thị	Thắm	02/03/90	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		7.50	5.25	4.50	17.25	17.50	
643	THV.B05219	Nguyễn Quyết	Thắng	17/10/91		Thị xã Phú Thọ		1	304	3.75	2.25	3.25	9.25	9.50	
644	THV.B05220	Nguyễn Quyết	Thắng	26/09/90		Huyện Lập Thạch		1	305	3.75	2.00	2.50	8.25	8.50	
645	THV.B05221	Nguyễn Quốc	Thắng	05/10/91		Huyện Lập Thạch	06	1	305	4.75	2.75	3.50	11.00	11.00	
646	THV.B05222	Lê Anh	Thắng	13/12/90		Huyện Phù Ninh		1		5.25	3.25	2.50	11.00	11.00	
647	THV.B05223	Dương Văn	Thắng	16/12/91		Huyện Tam Đảo		1	306	4.50	4.25	5.75	14.50	14.50	
648	THV.B05224	Hoàng Văn	Thắng	04/02/91		Huyện Yên Lập	01	1	C66	5.75	2.25	3.50	11.50	11.50	
649	THV.B05225	Lê Đức	Thắng	01/10/91		Huyện Phù Ninh		1	304	3.50	3.00	2.25	8.75	9.00	
650	THV.B05226	Vũ Thị	Thém	07/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		5.00	1.75	2.50	9.25	9.50	
651	THV.B05227	Nguyễn Văn	Thế	14/05/91		Huyện Văn Yên		1	305	5.00	2.50	2.75	10.25	10.50	
652	THV.B05230	Trần Thị	Thiện	15/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	306	5.25	1.25	2.50	9.00	9.00	
653	THV.B05235	Hoàng Thị	Thỉnh	25/10/89	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		5.00	2.25	3.00	10.25	10.50	
654	THV.B05236	Thiếu Đức	Thỉnh	20/10/90		Huyện Thanh Thủy		1	306	7.00	2.75	4.50	14.25	14.50	
655	THV.B05237	Trần Thị	Thỉnh	19/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	304	3.00	1.00	2.00	6.00	6.00	
656	THV.B05239	Vi Đức	Thỉnh	07/09/90		Thị xã Phú Thọ		2	304	5.25	6.50	5.25	17.00	17.00	
657	THV.B05240	Nguyễn Thị	Thoa	07/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	4.50	1.75	3.75	10.00	10.00	
658	THV.B05241	Nguyễn Thị	Thoa	16/01/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	305	4.00	1.50	3.50	9.00	9.00	
659	THV.B05242	Trần Thị Kim	Thoa	14/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		6.50	5.00	3.50	15.00	15.00	
660	THV.B05243	Nguyễn Thị Kim	Thoa	02/06/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1		4.25	1.75	3.25	9.25	9.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
661	THV.B05244	Nguyễn Thị Thoa	16/06/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1	305	3.50	1.50	3.50	8.50	8.50	
662	THV.B05246	Quyết Thị Thoại	24/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		5.25	1.50	3.25	10.00	10.00	
663	THV.B05248	Phan Văn Thống	01/03/91		Huyện Cẩm Khê		1	304	6.50	2.75	2.25	11.50	11.50	
664	THV.B05249	Đình Xuân Thống	25/05/90		Huyện Yên Lập	01	1		4.75	1.00	2.25	8.00	8.00	
665	THV.B05251	Lê Thị Hoài Thu	26/03/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	C66	5.25	2.00	2.50	9.75	10.00	
666	THV.B05253	Lê Thị Trang Thu	27/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	305	3.50	1.50	3.50	8.50	8.50	
667	THV.B05254	Nguyễn Thị Thu	04/10/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	306	3.50	1.75	4.25	9.50	9.50	
668	THV.B05256	Triệu Thị Minh Thu	06/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	304	3.50	2.75	3.25	9.50	9.50	
669	THV.B05257	Nguyễn Thị Kim Thu	20/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.25	1.00	3.50	9.75	10.00	
670	THV.B05258	Nguyễn Thị Thu	23/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.00	0.50	3.50	6.00	6.00	
671	THV.B05259	Triệu Thị Thu	04/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà	01	1		3.50	1.00	1.75	6.25	6.50	
672	THV.B05260	Nguyễn Thị Thu	12/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		5.75	1.00	4.00	10.75	11.00	
673	THV.B05261	Bùi Thị Hồng Thu	08/08/88	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	3.00	5.50	12.00	12.00	
674	THV.B05263	Phạm Thị Thu	28/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	306	2.75	0.50	2.25	5.50	5.50	
675	THV.B05264	Nguyễn Đức Thuận	10/08/90		Huyện Yên Mô		2NT	306	4.25	1.50	3.25	9.00	9.00	
676	THV.B05265	Vũ Văn Thuận	20/06/91		Huyện Hạ Hoà		1		3.75	1.50	1.50	6.75	7.00	
677	THV.B05266	Lanh Thị Thuận	12/05/90	Nữ	Huyện Bắc Mê	01	1	305	3.50	1.25	2.75	7.50	7.50	
678	THV.B05267	Nguyễn Thị Thuận	02/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.50	2.00	3.50	11.00	11.00	
679	THV.B05268	Nguyễn Bá Thuận	23/03/91		Huyện Bảo Yên		1		3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
680	THV.B05269	Nguyễn Hữu Thuyết	02/10/88		Huyện Lâm Thao		1		3.25	4.00	3.75	11.00	11.00	
681	THV.B05270	Phùng Thị Thuyết	21/08/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT		2.75	1.25	2.75	6.75	7.00	
682	THV.B05271	Lương Tân Thuyết	06/04/90		Huyện Lạc Bình	01	1		3.25	1.00	3.25	7.50	7.50	
683	THV.B05272	Phạm Thị Thuyết	27/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	306	6.00	3.50	4.50	14.00	14.00	
684	THV.B05273	Hoàng Văn Thuyền	16/06/89		Huyện Bảo Yên	01	1		2.50	1.00	1.50	5.00	5.00	
685	THV.B05274	Lê Thị Ngọc Thuý	15/03/89	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	305	3.25	1.50	3.25	8.00	8.00	
686	THV.B05275	Nguyễn Thị Thu Thuý	03/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.00	2.00	2.75	9.75	10.00	
687	THV.B05276	Đỗ Thị Thuý	19/05/89	Nữ	Huyện Hàm Yên		1		5.00	1.00	4.00	10.00	10.00	
688	THV.B05279	Hoàng Thị Ngọc Thuý	21/01/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1		5.25	3.75	4.50	13.50	13.50	
689	THV.B05284	Phùng Thị Hương Thuý	18/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		3.25	1.00	2.75	7.00	7.00	
690	THV.B05285	Trần Thị Thuý	01/07/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
691	THV.B05287	Nguyễn Thị Thuý	05/10/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	305	3.25	1.00	3.25	7.50	7.50	
692	THV.B05288	Lê Thanh Thuý	10/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.00	1.25	3.25	9.50	9.50	
693	THV.B05289	Lê Thị Thuý	24/03/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2NT	304	4.50	1.00	1.75	7.25	7.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
694	THV.B05290	Đình Thị	Thuỷ	21/09/91	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	701	2.75	0.50	1.25	4.50	4.50	
695	THV.B05291	Lương Thị	Thuỷ	15/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		3.25	0.75	2.25	6.25	6.50	
696	THV.B05293	Trần Thị Minh	Thuỷ	23/04/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		4.00	1.50	2.50	8.00	8.00	
697	THV.B05294	Bùi Thị	Thuỷ	10/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.25	1.00	2.50	7.75	8.00	
698	THV.B05295	Cù Thị Thu	Thuỷ	29/12/90	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì		1		3.00	1.50	1.75	6.25	6.50	
699	THV.B05296	Trần Thị	Thuỷ	23/03/91		Huyện Lập Thạch		1	305	2.75	1.00	3.50	7.25	7.50	
700	THV.B05297	Trần Thị	Thuỷ	31/05/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.00	1.25	2.50	7.75	8.00	
701	THV.B05298	Đoàn Thị Thu	Thuỷ	08/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	306	5.25	1.25	3.50	10.00	10.00	
702	THV.B05299	Nguyễn Thị	Thuỷ	10/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	C66	5.25	4.75	4.75	14.75	15.00	
703	THV.B05300	Tạ Thị	Thuỷ	20/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		3.25	0.75	1.50	5.50	5.50	
704	THV.B05301	Phùng Thị Phương	Thúy	06/12/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	305	4.00	1.00	1.75	6.75	7.00	
705	THV.B05303	La Thị	Thùy	19/01/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	306	4.00	1.75	2.50	8.25	8.50	
706	THV.B05304	Lê Thị Thu	Thúy	27/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		3.50	1.50	2.75	7.75	8.00	
707	THV.B05306	Hà Thị	Thúy	08/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	304	3.50	0.25	3.50	7.25	7.50	
708	THV.B05307	Lê Xuân	Thúy	27/06/91		Huyện Thanh Sơn		1		3.00	1.25	3.50	7.75	8.00	
709	THV.B05308	Phan Thị Thu	Thương	08/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.75	0.75		3.50	3.50	
710	THV.B05309	Hà Văn	Thương	15/06/91		Huyện Tân Sơn	01	1		4.00	1.00	3.25	8.25	8.50	
711	THV.B05310	Đỗ Thị	Thương	09/11/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	305	3.25	1.00	2.75	7.00	7.00	
712	THV.B05311	Nguyễn Thị	Thương	24/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		6.50	1.00	3.75	11.25	11.50	
713	THV.B05314	Hà Thị	Thức	25/05/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		2.25	1.00	3.00	6.25	6.50	
714	THV.B05315	Hà Văn	Thức	02/06/88		Huyện Tân Sơn	01	1		4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	
715	THV.B05317	Bùi Công	Tiến	24/10/91		Huyện Thanh Ba		1	304	5.75	1.50	4.50	11.75	12.00	
716	THV.B05318	Nguyễn Duy	Tiến	11/02/91		Huyện Hạ Hoà		1	304	7.00	2.25	4.50	13.75	14.00	
717	THV.B05319	Hà Văn	Tiến	15/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	306	4.75	3.75	3.25	11.75	12.00	
718	THV.B05320	Bùi Đức	Tiến	18/07/86		Huyện Lâm Thao		2NT		4.25	7.75	3.25	15.25	15.50	
719	THV.B05321	Trương Văn	Tiến	20/09/90		Huyện Đoan Hùng		1	306	4.75	1.00	2.25	8.00	8.00	
720	THV.B05325	Lê Trung	Tín	10/07/91		Huyện Phù Ninh		1	304	5.00	0.25	3.00	8.25	8.50	
721	THV.B05326	Lùng Văn	Tình	08/01/88		Huyện Mường Khương	01	1	305	3.50	1.00	1.75	6.25	6.50	
722	THV.B05329	Nguyễn Mạnh	Tĩnh	04/05/91		Huyện Hạ Hoà		1	304	4.50	3.50	4.25	12.25	12.50	
723	THV.B05330	Đỗ Thị	Tĩnh	15/05/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	4.00	1.00	1.50	6.50	6.50	
724	THV.B05331	Nguyễn Hồng	Toàn	26/04/91		Huyện Lâm Thao		2NT	305	4.50	2.25	3.25	10.00	10.00	
725	THV.B05332	Vì Văn	Toàn	20/05/91		Huyện Thanh Ba		2	306	6.25	2.25	3.50	12.00	12.00	
726	THV.B05334	Bùi Chuyên	Toàn	04/07/89		Huyện Thanh Ba		2	306	3.75	3.25	4.50	11.50	11.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
727	THV.B05335	Phạm Chí	Toàn	19/10/90		Huyện Hàm Yên		1	306	3.75	1.00	3.00	7.75	8.00	
728	THV.B05336	Lê Ngọc	Toàn	13/12/90		Thị xã Phú Thọ		2	304	5.00	1.75	3.25	10.00	10.00	
729	THV.B05337	Hoàng Quốc	Toàn	11/09/90		Huyện Tam Nông		1		6.25	3.75	6.50	16.50	16.50	
730	THV.B05339	Nguyễn Huyền	Trang	19/06/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2NT	306	4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	
731	THV.B05341	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	306	5.25	2.50	3.25	11.00	11.00	
732	THV.B05342	Lê Thị Thu	Trang	15/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	C66	4.50	1.75	2.50	8.75	9.00	
733	THV.B05344	Trịnh Thị	Trang	03/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1		3.75	2.00	3.50	9.25	9.50	
734	THV.B05345	Lê Thị Huyền	Trang	09/05/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		6.00	1.25	2.25	9.50	9.50	
735	THV.B05346	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT		2.50	2.25	1.75	6.50	6.50	
736	THV.B05347	Nguyễn Thị Minh	Trang	26/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	1.00	2.25	6.75	7.00	
737	THV.B05348	Đỗ Thị Huyền	Trang	22/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	306	4.25	1.50	1.75	7.50	7.50	
738	THV.B05350	Vũ Thị Thu	Trang	27/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	306	6.00	2.50	2.50	11.00	11.00	
739	THV.B05351	Nguyễn Thị	Trang	25/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.00	1.50	3.25	8.75	9.00	
740	THV.B05352	Lê Thị Huyền	Trang	21/11/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	305	3.00	1.75	3.00	7.75	8.00	
741	THV.B05353	Dương Thị	Trang	18/11/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		3.75	1.50	3.75	9.00	9.00	
742	THV.B05354	Trần Thị Huyền	Trang	28/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	304	6.50	8.25	5.00	19.75	20.00	
743	THV.B05355	Tạ Thị Thu	Trang	28/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	304	4.25	2.50	2.50	9.25	9.50	
744	THV.B05357	Vũ Đức	Trung	02/08/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	5.25	1.50	2.75	9.50	9.50	
745	THV.B05358	Lê Quang	Trung	17/12/91		Huyện Lập Thạch		2NT	306	5.50	1.00	2.25	8.75	9.00	
746	THV.B05359	Lê Quang	Trung	12/07/91		TP. Việt Trì		2	304	5.50	5.50	5.25	16.25	16.50	
747	THV.B05360	Hà Trí	Trung	18/12/91		Huyện Tam Dương		1	304	4.50	2.00	2.00	8.50	8.50	
748	THV.B05361	Hoàng Ngọc	Trung	17/09/90		Thành phố Lào Cai		1	306	3.25	1.00	3.00	7.25	7.50	
749	THV.B05362	Ngô Đức	Trung	10/07/91		TP. Việt Trì		2	306	5.50	3.75	2.50	11.75	12.00	
750	THV.B05365	Lương Hữu	Trường	01/02/86		Huyện Tam Nông		1	306	3.00	2.00	3.50	8.50	8.50	
751	THV.B05367	Trần Xuân	Trường	16/11/89		Huyện Tam Đảo	01	1	306	4.75	1.75	2.50	9.00	9.00	
752	THV.B05368	Trần Xuân	Trường	13/12/91		Huyện Hạ Hoà		1	305	6.50	4.25	4.00	14.75	15.00	
753	THV.B05369	Nguyễn Đình	Trường	26/03/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	305	3.75	1.25	2.50	7.50	7.50	
754	THV.B05371	Nguyễn Văn	Trường	01/10/90		Huyện Thanh Ba		2		2.50	1.00	2.75	6.25	6.50	
755	THV.B05372	Nguyễn Quốc	Trường	11/02/91		Thị xã Phú Thọ		1	306	4.00	3.00	3.25	10.25	10.50	
756	THV.B05373	Dương Quang	Tuấn	09/11/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.50	1.50	4.50	10.50	10.50	
757	THV.B05374	Bùi Đức	Tuấn	20/05/91		Huyện Lâm Thao		2NT	306	5.50	6.75	7.50	19.75	20.00	
758	THV.B05375	Nguyễn Anh	Tuấn	01/09/91		Huyện Thanh Thủy		1	306	5.75	9.00	4.50	19.25	19.50	
759	THV.B05377	Hoàng Văn	Tuấn	18/12/90		Huyện Yên Lập	01	1	305	4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
760	THV.B05378	Nguyễn Ngọc	Tuấn	21/07/91		Huyện Hạ Hoà		1		5.25	2.00	2.50	9.75	10.00	
761	THV.B05379	Bùi Anh	Tuấn	10/12/91		Huyện Thanh Ba		1	305	4.50	2.50	3.00	10.00	10.00	
762	THV.B05380	Trần Anh	Tuấn	13/01/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	305	4.50	1.50	2.50	8.50	8.50	
763	THV.B05381	Đào Ngọc	Tuấn	08/03/89		Huyện Tam Nông	03	1		5.25	1.50	2.50	9.25	9.50	
764	THV.B05382	Phùng Anh	Tuấn	15/08/91		Huyện Phù Ninh		2NT	305	4.50	6.25	3.00	13.75	14.00	
765	THV.B05383	Vũ Anh	Tuấn	26/10/91		Huyện Tân Sơn	01	1	305	4.50	2.00	1.50	8.00	8.00	
766	THV.B05384	Hà Anh	Tuấn	07/11/91		Huyện Yên Lập	01	1		3.25	1.25	3.00	7.50	7.50	
767	THV.B05386	Dương Minh	Tuấn	26/10/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	5.50	2.00	4.25	11.75	12.00	
768	THV.B05387	Phạm Anh	Tuấn	14/02/91		Thị xã Phú Thọ		1	305	5.50	1.50	3.00	10.00	10.00	
769	THV.B05388	Lục Văn	Tuyên	04/12/91		Huyện Mường Khương	01	1	305	4.00	2.00	3.50	9.50	9.50	
770	THV.B05389	Nguyễn Đức	Tuyên	23/10/91		Huyện Phù Ninh		2NT	305	4.75	3.75	3.25	11.75	12.00	
771	THV.B05390	Nguyễn Thị	Tuyển	20/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.50	2.00	4.00	11.50	11.50	
772	THV.B05392	Bùi Thị ánh	Tuyết	04/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.25	1.00	2.75	8.00	8.00	
773	THV.B05393	Lê Thị Minh	Tuyết	18/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.75	1.00	4.25	8.00	8.00	
774	THV.B05394	Phùng Thị	Tuyết	19/05/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	305	2.50	1.25	3.00	6.75	7.00	
775	THV.B05395	Nguyễn Thị	Tuyết	10/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	306	6.50	1.75	2.50	10.75	11.00	
776	THV.B05396	Nguyễn Thị Tuyết	Tuyết	24/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	306	3.25	2.50	4.50	10.25	10.50	
777	THV.B05398	Bùi Nam	Tuyển	07/08/91		Huyện Phù Ninh		2	305	6.25	4.25	4.25	14.75	15.00	
778	THV.B05399	Nguyễn Thị	Tuyển	20/09/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		1	306	3.50	1.25	3.50	8.25	8.50	
779	THV.B05400	Lưu Thị	Tuyển	01/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.75	1.00	2.75	8.50	8.50	
780	THV.B05401	Phan Ngọc	Tú	20/08/91		Huyện Tam Nông		1	306	6.00	6.25	6.25	18.50	18.50	
781	THV.B05402	Nguyễn Thanh	Tú	01/04/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT		4.50	1.00	3.75	9.25	9.50	
782	THV.B05403	Tống Mạnh	Tùng	25/10/90		Huyện Thanh Ba		1	305	5.25	1.25	3.00	9.50	9.50	
783	THV.B05405	Vũ Sơn	Tùng	15/05/90		Huyện Yên Lập	01	1	304	4.00	1.00	2.00	7.00	7.00	
784	THV.B05406	Tạ Ngọc	Tùng	17/08/91		Huyện Thanh Thủy		1	306	5.50	1.75	4.50	11.75	12.00	
785	THV.B05408	Nguyễn Tiến	Tùng	30/04/91		Huyện Thanh Ba		2		3.75	1.00	1.50	6.25	6.50	
786	THV.B05410	Bàng Duy	Tùng	03/11/91		Huyện Yên Lập	01	1		7.25	1.50	2.50	11.25	11.50	
787	THV.B05411	Nguyễn Quang	Tùng	01/09/91		Huyện Đoan Hùng		1	305	5.50	2.00	2.25	9.75	10.00	
788	THV.B05412	Lê Duy	Tùng	04/11/91		Huyện Lập Thạch		1	304	2.75	1.00	2.75	6.50	6.50	
789	THV.B05413	Nguyễn Sơn	Tùng	07/10/91		Huyện Thanh Ba		1	305	5.00	1.25	1.75	8.00	8.00	
790	THV.B05414	Nguyễn Thanh	Tùng	28/03/91		Huyện Thanh Ba		1	304	5.25	3.00	3.25	11.50	11.50	
791	THV.B05415	Lương Thị	Tư	05/04/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		2.50	1.00	1.75	5.25	5.50	
792	THV.B05416	Nguyễn Đình	Tư	19/05/90		Huyện Bảo Yên		1	306	4.50	1.25	3.25	9.00	9.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
793	THV.B05418	Trần Thị	Tươi	06/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		3.75	1.25	3.00	8.00	8.00	
794	THV.B05419	Nguyễn Thị	Tươi	29/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	4.50	4.75	4.50	13.75	14.00	
795	THV.B05420	Hoàng Thị	Tự	02/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	306	5.00	3.75	2.75	11.50	11.50	
796	THV.B05421	Bùi Thị	Uyên	18/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.00	2.25	4.50	11.75	12.00	
797	THV.B05424	Bùi Thị	Vân	23/01/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	304	4.00	1.50	2.75	8.25	8.50	
798	THV.B05425	Đào Thị Kiều	Vân	21/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.25	3.50	5.50	14.25	14.50	
799	THV.B05426	Trần Thị	Vân	26/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	306	6.00	2.00	2.00	10.00	10.00	
800	THV.B05427	Trần Anh	Việt	24/07/90		Thị xã Phú Thọ		2		2.75	2.00	2.25	7.00	7.00	
801	THV.B05428	Lê Quang	Việt	22/07/90		Huyện Hạ Hoà		1	305	5.00	1.25	1.75	8.00	8.00	
802	THV.B05429	Nguyễn Văn	Vinh	20/06/91		Huyện Lâm Thao		2		4.50	0.25	1.50	6.25	6.50	
803	THV.B05430	Trần Thế	Vinh	23/06/91		Huyện Văn Yên		1		4.25	1.00	1.75	7.00	7.00	
804	THV.B05431	Nguyễn Quang	Vinh	30/12/91		Huyện Yên Lập	01	1	C66	5.00	1.50	2.50	9.00	9.00	
805	THV.B05432	Sùng Quang	Vinh	01/05/91		Huyện Bắc Quang	01	1	304	4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	
806	THV.B05433	Lưu Thị Thúy	Vinh	30/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	305	4.00	0.75	3.00	7.75	8.00	
807	THV.B05434	Nguyễn Thành	Vinh	10/03/91		TP. Việt Trì		2	305	3.50	1.50	2.50	7.50	7.50	
808	THV.B05435	Nguyễn Thị	Vui	16/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		4.00	0.75	2.50	7.25	7.50	
809	THV.B05436	Trần Thị	Vui	10/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	5.50	5.00	4.50	15.00	15.00	
810	THV.B05437	Nguyễn Xuân	Vũ	17/12/91		Huyện Tam Đảo		1	306	3.75	0.75	2.50	7.00	7.00	
811	THV.B05438	Hoàng Anh	Vũ	02/09/90		TP. Việt Trì		2	305	3.50	2.25	2.75	8.50	8.50	
812	THV.B05439	Cáo Chung	Vững	06/09/89		Huyện Mường Khương	01	1	305	3.00	1.50	2.75	7.25	7.50	
813	THV.B05441	Nguyễn Thanh	Xuân	14/08/91		Huyện Thanh Ba		1		6.25	2.00	3.50	11.75	12.00	
814	THV.B05442	Phùng Thị Hương	Xuân	22/08/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	304	4.00	1.25	3.00	8.25	8.50	
815	THV.B05443	Lê Thị	Xuân	05/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
816	THV.B05445	Bùi Thị	Xuân	28/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	3.75	1.00	3.25	8.00	8.00	
817	THV.B05447	Nguyễn Văn	Yên	10/07/91		Huyện Lập Thạch		2NT	305	3.50	1.00	1.25	5.75	6.00	
818	THV.B05449	Nguyễn Thị	Yên	18/01/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		3.25	1.00	2.50	6.75	7.00	
819	THV.B05453	Hà Thị	Yến	25/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT		4.50	1.00	2.00	7.50	7.50	
820	THV.B05454	Đào Thị Hải	Yến	01/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		3.25	1.00	2.75	7.00	7.00	
821	THV.B05456	Hà Hải	Yến	07/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.75	4.00	4.25	12.00	12.00	
822	THV.B05457	Nguyễn Thị	Yến	20/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		4.75	1.25	3.25	9.25	9.50	
823	THV.B05458	Bùi Thị Thanh	Yến	20/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	4.50	1.00	2.75	8.25	8.50	
824	THV.B05459	Hoàng Thị Hải	Yến	10/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1		4.00	1.00	2.50	7.50	7.50	
825	THV.B05460	Bùi Thị	Yến	12/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	306	4.50	2.00	3.25	9.75	10.00	

<i>STT</i>	<i>Số Báo Danh</i>	<i>Họ và Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Phái</i>	<i>Hộ khẩu</i>	<i>ĐT</i>	<i>KV</i>	<i>NG</i>	<i>ĐM1</i>	<i>ĐM2</i>	<i>ĐM3</i>	<i>ĐTC0</i>	<i>ĐTC</i>	<i>Ghi chú</i>
826	THV.B05461	Vương Hải Yến	21/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	5.25	4.00	3.00	12.25	12.50	

Danh sách khối B gồm: 826 thí sinh